



20^{*năm*} **NỀN TẢNG**
tạo THÀNH CÔNG

1993 - 2013

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

C NỘI DUNG

Tầm nhìn - Sứ mệnh	04
KINH ĐÔ 20 NĂM	06
Lịch sử Công ty - những cột mốc đáng nhớ	08
20 năm trách nhiệm cộng đồng	14
Cảm nhận 20 năm - Vị hạnh phúc lên ngôi	16
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO	18
Thông tin chung	20
Sự kiện quan trọng năm 2013	21
Thông tin tài chính quan trọng	22
Sở hữu cổ phần	26
Công ty con và Công ty liên quan	28
Thông điệp Chủ tịch Hội đồng Quản trị	30
Thông điệp Tổng Giám đốc	34
Các hoạt động của Hội đồng Quản trị	38
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	40
Ban Tổng Giám đốc	44
Ban Kiểm soát	46
Thay đổi nhân sự - Giao dịch của cổ đông nội bộ	48
- Giao dịch của bên liên quan	
Đánh giá của Ban Tổng Giám đốc	50
Nhân sự	60
Hoạt động xã hội năm 2013	62
An toàn thực phẩm và trách nhiệm môi trường	64
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	66
Công ty Cổ phần Kinh Đô	68
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	70
Báo cáo kiểm toán độc lập	71
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	72
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	74
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	75
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	77



Nền tảng tạo thành công



Vững bền từ cốt lõi



Cho công trình nhựa sống



Cho khát vọng vươn xa



1993.

TẦM NHÌN

HƯƠNG VỊ CUỘC SỐNG

Kinh Đô mang hương vị đến cho
cuộc sống mọi nhà bằng những thực phẩm
an toàn, dinh dưỡng, tiện lợi và độc đáo.



2013



SỨ MỆNH

Đối với NGƯỜI TIÊU DÙNG

Sứ mệnh của Kinh Đô đối với người tiêu dùng là tạo ra những sản phẩm phù hợp, tiện dụng bao gồm các loại thực phẩm thông dụng, thiết yếu, các sản phẩm bổ sung và đồ uống. Chúng tôi cung cấp các thực phẩm an toàn, thơm ngon, dinh dưỡng, tiện lợi và độc đáo cho tất cả mọi người để luôn giữ vị trí tiên phong trên thị trường thực phẩm.

Đối với CỔ ĐÔNG

Với cổ đông, sứ mệnh của Kinh Đô không chỉ dừng ở việc mang lại mức lợi nhuận tối đa trong dài hạn mà còn thực hiện tốt việc quản lý rủi ro từ đó làm cho cổ đông an tâm với những khoản đầu tư.

Đối với ĐỐI TÁC

Với đối tác, sứ mệnh của Kinh Đô là tạo ra những giá trị bền vững cho tất cả các thành viên trong chuỗi cung ứng bằng cách đảm bảo một mức lợi nhuận hợp lý thông qua các sản phẩm, dịch vụ đầy tính sáng tạo. Chúng tôi không chỉ đáp ứng đúng xu hướng tiêu dùng mà còn thỏa mãn được mong ước của khách hàng.

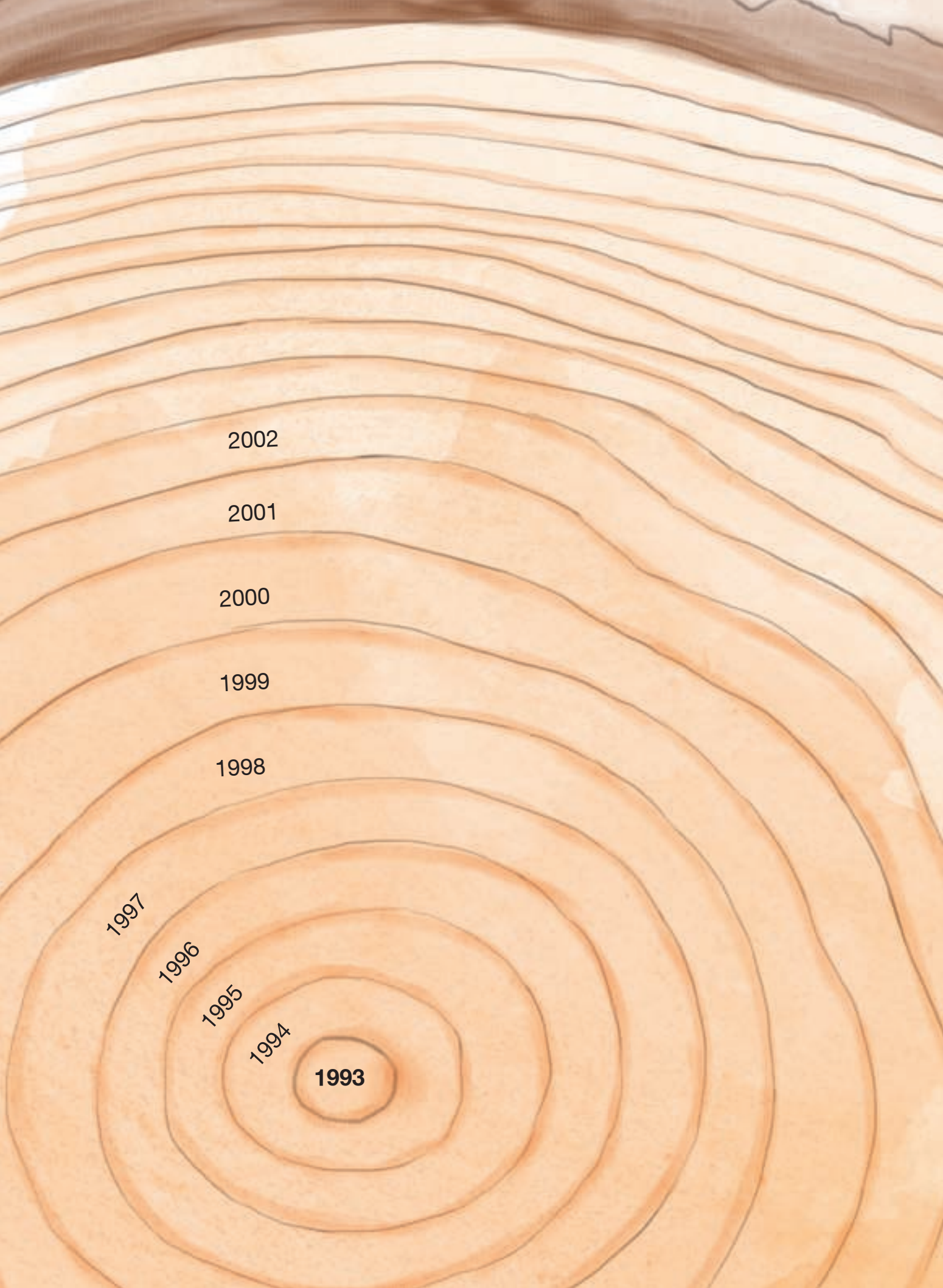
Đối với CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

Chúng tôi luôn ươm mầm và tạo mọi điều kiện để thỏa mãn các nhu cầu và kỳ vọng trong công việc nhằm phát huy tính sáng tạo, sự toàn tâm và lòng nhiệt huyết của nhân viên. Vì vậy Kinh Đô luôn có một đội ngũ nhân viên năng động, sáng tạo, trung thành, có khả năng thích nghi cao và đáng tin cậy.

Đối với CỘNG ĐỒNG

Để góp phần phát triển và hỗ trợ cộng đồng, chúng tôi chủ động tạo ra, đồng thời mong muốn được tham gia và đóng góp cho những chương trình hướng đến cộng đồng và xã hội.





2002

2001

2000

1999

1998

1997

1996

1995

1994

1993

VỮNG BỀN
từ CỐT LÕI...

2003
2004
2005
2006
2007
2008
2009
2010
2011
2012
2013

KINH ĐỒ - 20 năm

01

LỊCH SỬ CÔNG TY những cột mốc đáng nhớ

“

Trên mỗi chặng đường phát triển, Kinh Đô đều ghi dấu ấn riêng, luôn thể hiện sự sáng tạo, năng động, tiên phong trong mọi hoạt động, khẳng định giá trị đích thực của Thương Hiệu Việt trên con đường chinh phục thế giới. ”



1993

- Thành lập Công ty Kinh Đô với 70 nhân viên.

1995 - 1996

- Xây dựng nhà máy 6 ha tại Quận Thủ Đức với quy mô hiện đại.

2000

- Xây dựng nhà máy Kinh Đô Miền Bắc tại Hưng Yên, diện tích: 28.000m², tổng vốn đầu tư: 30 tỷ đồng.

2001

- Chính thức hoạt động nhà máy Kinh Đô Miền Bắc, đáp ứng cho nhu cầu thị trường phía Bắc.

1993-2013



2003

- Mua lại nhà máy kem Wall's từ Tập đoàn Unilever và thành lập Công ty KI DO, phát triển 2 nhãn hiệu Merino và Celano với mức tăng trưởng hàng năm trên 20%.

2004

- Thành lập Công ty Kinh Đô Bình Dương.
- Kinh Đô Miền Bắc chính thức niêm yết trên thị trường chứng khoán (mã chứng khoán: NKD).

2005

- Kinh Đô chính thức lên sàn giao dịch chứng khoán (mã chứng khoán: KDC).
- Kinh Đô đầu tư vào Công ty Tribeco.

2006

- Xây dựng nhà máy Kinh Đô Bình Dương trên diện tích 13 ha, tổng vốn đầu tư 660 tỷ đồng tại KCN Việt Nam - Singapore.
- Kinh Đô hợp tác với Tập đoàn Cadbury.
- Đón nhận Huân chương Lao động hạng III.

2007

- Kinh Đô và Ngân hàng Eximbank trở thành đối tác chiến lược.
- Kinh Đô và Công ty Nutifood trở thành đối tác chiến lược.
- Kinh Đô đầu tư vào Công ty Vinabico.



2008

- Nhà máy Kinh Đô Bình Dương chính thức hoạt động.
- Kinh Đô được bình chọn thương hiệu nổi tiếng Việt Nam.
- Kinh-Đô được bình chọn là Thương hiệu Quốc gia.

2010

- Sáp nhập Công ty Kinh Đô Miền Bắc (NKD) và Công ty KI DO vào Công ty Cổ phần Kinh Đô (KDC).
- Kinh Đô được bình chọn là Thương hiệu Quốc gia lần 2.

2011

- Ký kết đối tác chiến lược với Công ty Ezaki Glico (Nhật Bản).

2012

- Tiếp tục sáp nhập Vinabico vào KDC.
- Lần thứ 3 liên tiếp được bình chọn Thương hiệu Quốc gia.

2013

- Kỷ niệm 20 năm ngày thành lập Kinh Đô.
- Đón nhận Huân chương Lao động hạng II.

LỊCH SỬ CÔNG TY

những cột mốc đáng nhớ

Xuyên suốt hành trình 20 năm không ngừng nỗ lực phục vụ người tiêu dùng, Kinh Đô không chỉ mang hương vị đến cho cuộc sống mọi nhà bằng những thực phẩm an toàn, dinh dưỡng, tiện lợi và độc đáo mà chúng tôi còn mang cả vị hạnh phúc ngọt ngào cho những phút giây sum họp, cho tình thân thêm bền chặt qua mỗi dịp Lễ Tết, làm thăng hoa những khoảnh khắc hạnh phúc đọng đầy trong cuộc sống. Từ những sản phẩm snack đơn giản ban đầu, Kinh Đô đã liên tục sáng tạo, phục vụ thị trường hàng trăm sản phẩm chất lượng, trong đó có nhiều sản phẩm dẫn đầu thị trường. Chúng tôi cũng đang hướng đến các sản phẩm dinh dưỡng và thiết yếu theo chiến lược “Food & Flavor” để ngày càng gần gũi và trở thành sự lựa chọn quen thuộc, hàng ngày của người tiêu dùng.



1993

Thành lập
CÔNG TY KINH ĐÔ

1994

Tung
sản phẩm
bánh Snack



1996

Tung
sản phẩm
bánh Cookies



1997

Tung
sản phẩm
bánh tươi



1993-



Tung
sản phẩm
bánh Trung thu

1998



Tung
sản phẩm
bánh cracker

1999

1998

Tung
sản phẩm
kẹo Socola



2000

Tung
sản phẩm
Kẹo



2005

Tung
sản phẩm bánh
bông lan Solite



2013

Tung
sản phẩm
sữa nước Wel Grow



2011



Tung
sản phẩm
bánh Pocky

2012



2013

Sự kiện chào mừng
KINH ĐỒ 20 NĂM

2007

Tung
sản phẩm
sữa chua Wel Yo



2012

Tung
sản phẩm
bánh gạo Sachi



20 năm

TRÁCH NHIỆM CỘNG ĐỒNG



Hai mươi năm với những phát triển vượt bậc, thành công của Kinh Đô luôn gắn liền với những câu chuyện đầy ý nghĩa về trách nhiệm xã hội của một thương hiệu. ”

VỊ HẠNH PHÚC

TRỌN VỆN CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG

20 năm với sứ mệnh mang “Vị hạnh phúc” phục vụ mọi người, với tâm niệm “Sản phẩm do Kinh Đô làm ra, nếu không an tâm về chất lượng thì nhất định không bán cho người tiêu dùng”, Kinh Đô đã không ngừng nỗ lực tìm nguồn nguyên liệu an toàn và ổn định, đầu tư công nghệ hiện đại, hệ thống quản lý chuẩn mực, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Kinh Đô luôn sáng tạo, nghiên cứu sản phẩm mới, dinh dưỡng và độc đáo nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

VỊ HẠNH PHÚC

CHO TOÀN THỂ CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

Đầu tư phát triển nguồn nhân lực là một trong những nền tảng tạo nên thành công của Kinh Đô suốt 20 năm qua. Không chỉ dừng lại ở mức lương, thưởng, bảo đảm an toàn lao động, Ban Lãnh đạo luôn đặc biệt quan tâm đến đời sống của CBCNV, tổ chức liên tục các chương trình đào tạo, các chính sách phúc lợi để người lao động yên tâm phát triển cả trong công việc và cuộc sống.





VỊ HẠNH PHÚC PHÁT TRIỂN CÙNG ĐỐI TÁC

Trong định hướng phát triển của Kinh Đô, nhà đầu tư và đối tác luôn là mắc xích quan trọng trong chuỗi giá trị với chiến lược: Hợp tác lâu dài, tin cậy, bền vững, hiệu quả để cùng nhau phát triển. Chiến lược này là một trong những thành công và là niềm tự hào của Kinh Đô trong thời gian qua. Đây là một trong những nguồn lực quan trọng đối với chúng tôi trong chặng đường phát triển sắp tới.

VỊ HẠNH PHÚC SẺ CHIA CÙNG CỘNG ĐỒNG

Kinh Đô mang “Vị hạnh phúc” đến cho cộng đồng bằng những sẻ chia và đóng góp thiết thực. Nhiều năm liền, Kinh Đô là nhà tài trợ chính cho nhiều sự kiện văn nghệ, thể thao - văn hóa lớn của đất nước. Bên cạnh đó là hoạt động ủng hộ, tài trợ cho sinh viên, các chương trình xã hội như xây nhà tình nghĩa, tình thương, tài trợ mổ mắt, mổ tim cho bệnh nhân nghèo... Đồng hành cùng các tổ chức xã hội, Kinh Đô còn mang niềm vui cho hàng ngàn trẻ em và người nghèo trên cả nước trong các dịp lễ, Tết.

PHÁT TRIỂN KINH DOANH GẮN KẾT TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI ĐÃ TRỞ THÀNH NÉT VĂN HÓA CỦA KINH ĐÔ, TẠO NÊN HÌNH ẢNH ĐẸP CỦA THƯƠNG HIỆU KINH ĐÔ ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG SUỐT 20 NĂM QUA.





Kinh Đô là một trong những đơn vị rất quan tâm đến các hoạt động dành cho cộng đồng. Đối với Hội Bảo trợ Bệnh nhân nghèo, Chi hội BTBNN Kinh Đô đã dành rất nhiều tâm huyết, chi phí tài trợ cho các hoạt động của hội suốt 17 năm qua. Chúng tôi trân trọng sự đồng hành của công ty không chỉ qua những đóng góp tài trợ mà còn ở sự tận tâm, hết lòng của Ban Lãnh đạo và CBCNV Công ty cho các chương trình của hội. Chúng tôi tin tưởng cùng với sự phát triển lớn mạnh, văn hóa chia sẻ trách nhiệm cùng cộng đồng sẽ còn được Kinh Đô phát huy nhiều hơn, mang đến những chăm lo thiết thực cho cộng đồng.

Ông Trần Thành Long
Chủ tịch Hội Bảo trợ
Bệnh nhân nghèo TP.HCM

Nhờ tấm lòng nhân ái, chia sẻ cùng cộng đồng của Hội Bảo trợ Bệnh nhân nghèo và Công ty Kinh Đô mà những người nghèo chúng tôi được tìm lại ánh sáng qua chương trình "Mang ánh sáng cho người mù nghèo", được nhìn cuộc sống xung quanh, được tiếp thêm động lực để vươn lên trong cuộc sống. Tôi hân hoan, vinh dự là người đại diện cho 400.000 bệnh nhân đục thủy tinh thể gửi lời cảm ơn chân thành đến Hội và công ty Kinh Đô. Cầu chúc Quý Công ty ngày càng thành công hơn nữa, để sự sẻ chia dành cho cộng đồng mà công ty đã liên tục thực hiện trong suốt 20 năm qua được nhân thêm nhiều và đến được với nhiều người hơn.

Cô Huỳnh Thị Thanh Nhân
Quận 12
(giáo viên đã nghỉ hưu)

Ông Nguyễn Văn Dương
55 tuổi
Tôn Thất Thuyết, Q.4

Tôi bắt đầu ấn tượng với Kinh Đô khi đây là doanh nghiệp Việt Nam đầu tiên mua lại Kem Wall's từ Tập đoàn Unilever. Điều này chứng minh các thương hiệu Việt đã đủ bản lĩnh và tự tin để hội nhập với thế giới. Tôi nghĩ, chặng đường 20 năm đã qua của Kinh Đô đã đạt rất nhiều thành công, tuy nhiên chặng đường phía trước vẫn còn rất nhiều chông gai và thử thách, hy vọng thương hiệu này sẽ luôn kiên định để tiếp tục khẳng định niềm kiêu hãnh của Việt Nam trên trường thế giới.

Bà Võ Thị Ngọc Liên
50 tuổi
Trần Kế Xương, P.7, Q. Phú Nhuận

Vào những dịp lễ, Tết hay các nhu cầu sử dụng bánh kẹo cho gia đình thì Kinh Đô luôn là sự lựa chọn số 1 của tôi vì tôi luôn tin tưởng vào uy tín, chất lượng và hương vị cũng rất phù hợp. Mới đó mà đã 20 năm, thương hiệu Kinh Đô đã lớn mạnh, điều này cũng đã chứng minh sự lựa chọn của tôi dành cho gia đình là đúng. Hy vọng thương hiệu này tiếp tục phát triển và ngày càng có nhiều sản phẩm tốt phục vụ cho người tiêu dùng.

Chị Đỗ Thị Hồng Loan
25 tuổi
Nguyễn Hữu Tiến, Q. Tân Phú

Từ lúc nhỏ tôi đã thấy mẹ thường mua bánh Kinh Đô cho gia đình, lớn lên tôi cũng dành sự ưu tiên cho các sản phẩm của thương hiệu này. Tuy là thương hiệu bánh kẹo Việt Nam nhưng tôi thấy mẫu mã, chất lượng và đặc biệt vấn đề VSATTP luôn được Kinh Đô cam kết rất tốt. Tôi cũng được biết, hiện các sản phẩm của công ty này đang xuất khẩu ra nhiều nước trên thế giới như : Mỹ, Nhật, Hàn Quốc,... đây là điều đáng mừng và là niềm tự hào của một thương hiệu Việt.

Với 20 năm kinh nghiệm trong ngành thực phẩm của Kinh Đô, chúng tôi luôn tin tưởng vào những định hướng và sự phát triển vượt bậc của Tập đoàn trong tương lai. Thương hiệu và thế mạnh của các ngành hàng Kinh Đô rất lớn, sự đa dạng hóa ngành hàng của Kinh Đô là lợi thế giúp chúng tôi tự tin cho việc đầu tư dài hạn cho thị trường. NPP Hoàng Tân có cơ hội hợp tác cùng Kinh Đô trong hơn 18 năm qua và chúng tôi nhận thấy những thay đổi nhanh, quyết liệt và có sự định hướng lâu dài của Ban Lãnh đạo càng củng cố niềm tin của Nhà phân phối để hợp tác ngày càng bền chặt hơn cùng Kinh Đô trong chặng đường 20 năm tiếp theo.

Anh Phạm Văn Hoàng
NPP Hoàng Tân

Chúng tôi có nhiều năm kinh doanh trên thị trường hàng tiêu dùng, nhưng ấn tượng nhất có lẽ là khi được hợp tác cùng Kinh Đô. Sự tôn trọng NPP, luôn theo sát, hướng dẫn, hỗ trợ giải quyết các vướng mắc, khó khăn của NPP làm chúng tôi yên tâm hợp tác, dành nhiều tâm huyết cho việc kinh doanh cùng Kinh Đô. Có thể nói rằng: Kinh doanh cùng Kinh Đô không chỉ là một công việc, một sự nghiệp mà còn có cả niềm tự hào, gắn bó dài lâu.

Sau 20 năm phát triển vượt bậc, chúng tôi tin tưởng rằng Kinh Đô sẽ tiếp tục là một doanh nghiệp dẫn đầu trên thị trường bánh kẹo Việt Nam.

Anh Đoàn Ngọc Thái
NPP Thái Dương

Công ty chúng tôi đã có quá trình dài đồng hành và hợp tác cùng Kinh Đô. Chúng tôi trân trọng triết lý hợp tác cùng phát triển của Kinh Đô đối với các đối tác trong chuỗi giá trị của công ty. Kinh Đô luôn đặt tiêu chí rất nghiêm ngặt đối với các sản phẩm đầu vào và luôn phối hợp chặt chẽ với chúng tôi trong việc kiểm soát ổn định chất lượng xuyên suốt quá trình của chuỗi cung ứng từ nguyên vật liệu đầu vào của nhà cung cấp đến nhập kho công ty Kinh Đô và cuối cùng là sản phẩm chất lượng phục vụ người tiêu dùng. Chúng tôi cũng ngày càng đồng hành cùng Kinh Đô trong việc gia tăng giá trị, kiểm soát giá thành hợp lý. Sau 20 năm phát triển, với quy mô Tập đoàn Kinh Đô như hiện nay, sự hợp tác giữa công ty chúng tôi với Kinh Đô cũng ngày càng mở rộng. Chúng tôi rất vui mừng với bước tiến này và xin chúc mối quan hệ hợp tác giữa hai bên sẽ ngày càng bền chặt, hiệu quả.

Ông Phan Thông Cường
Giám đốc Công ty Bột mì Bình Đông
Nhà cung cấp

Anh Nguyễn Quốc Bình
Nhà đầu tư chuyên nghiệp

Tôi đầu tư nhiều mã cổ phiếu thuộc nhóm VN30, trong đó có KDC. Gắn bó và theo sát quá trình hoạt động của Công ty suốt chặng đường dài, tôi nhận thấy qua mỗi năm, công ty không chỉ hoàn thành các chỉ tiêu đã thông qua với cổ đông mà Ban Lãnh đạo luôn tạo sự an tâm cho cổ đông với định hướng hoạt động rất minh bạch, khả thi. Xin chúc Công ty ngày càng lớn mạnh, tạo thêm nhiều giá trị cho cổ đông, nhà đầu tư.

Chị Trương Thị Lan Phương
Trưởng phòng Tài chính KDC

Bản thân đã làm việc được hơn 10 năm tại Kinh Đô và tham dự rất nhiều hoạt động của công ty, tôi nhận thấy Kinh Đô mỗi năm đều có sự thay đổi, những hoạt động công ty tổ chức đã giúp mọi người có cơ hội gắn nhau và gắn bó với nhau cũng như thể hiện tài năng riêng của mình. Tôi hy vọng công ty ngày càng phát triển xa hơn, rộng hơn và gắn gũi với cuộc sống của mọi người hơn để khi nhắc đến Kinh Đô, mọi người không chỉ nghĩ đến sản phẩm mà còn nghĩ đến một môi trường làm việc thân thiện và chuyên nghiệp.

Chị Vũ Thị Thu Vui
Phân xưởng Cakes - BKD

Tôi gắn bó với Kinh Đô đã hơn 15 năm, từ lúc Kinh đô còn là cơ sở nhỏ đến nay đã trở thành một Tập đoàn lớn mạnh. Tôi thật may mắn vì được làm việc và gắn bó trong môi trường chuyên nghiệp này. Theo bước phát triển từng ngày của Kinh Đô, bản thân tôi cũng có những thay đổi lớn, cuộc sống sung túc hơn, có nhiều mối quan hệ hơn, hạnh phúc hơn. Tôi tin tập thể Kinh Đô sẽ luôn đoàn kết, hợp lực thành công và tiến lên đỉnh vinh quang trong chặng đường phát triển sắp tới.

Chị Nguyễn Thị Kim Nga
Sản xuất KI DO

Tôi còn nhớ như in cảm giác khi Kinh Đô mua lại nhà máy kem từ Tập đoàn đa quốc gia năm 2003. Chúng tôi băn khoăn liệu đời sống của chúng tôi sẽ ra sao, không biết chế độ lương bổng ... mọi thứ như thế nào. Nhưng chúng tôi thật sự an tâm khi Kinh Đô đã làm được hơn sự mong đợi của chúng tôi, Kinh Đô đã mở ra một tầm nhìn mới, tôi thật sự vinh dự và cảm thấy yên tâm khi là thành viên của Kinh Đô. Và nếu được một điều ước, tôi ước mơ Kinh Đô và KI DO sẽ thành công, tiếp tục phát triển vững vàng để vươn ra biển lớn.





...cho CĂNG TRÀN
NHỰA SỐNG

Báo cáo của Ban Lãnh đạo

02

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Tel: +84 (8) 3827 0838 Fax: +84 (8) 3827 0839

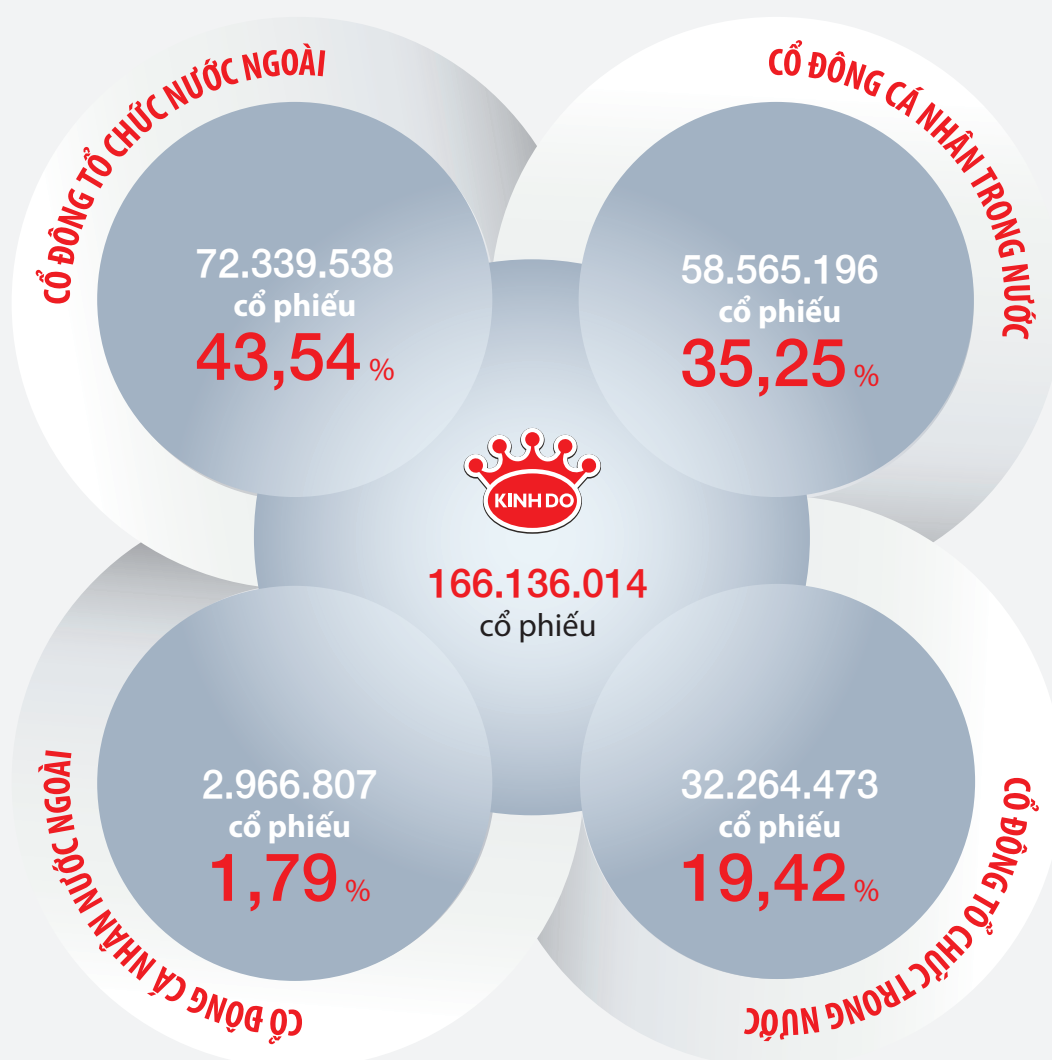
Email: info@kinhdo.vn

Website: www.kinhdo.vn

Niêm yết tại: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX)

Mã niêm yết: **KDC**

Vốn điều lệ: **1.676.282.700.000** đồng



SỰ KIỆN QUAN TRỌNG NĂM 2013

1

30/01/2013

PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ESOP

Phát hành 1.320.000 cổ phiếu thưởng cho Ban Điều hành và chào bán với giá ưu đãi 5.281.000 cổ phiếu cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Cán bộ Công nhân viên.

27/02/2013

CHI TRẢ CỔ TỨC LẦN 1 NĂM 2012

Trả cho các nhà đầu tư 165 tỷ đồng theo tỷ lệ 10% mệnh giá/cổ phiếu.

2

3

27/06/2013

HOÁN ĐỔI CỔ PHẦN VINABICO ĐỂ SÁP NHẬP

Phát hành 1.105.645 cổ phiếu để hoán đổi cổ phiếu Vinabico.

14/08/2013

CHI TRẢ CỔ TỨC NĂM 2012 LẦN 2

Trả cho các nhà đầu tư 166 tỷ đồng theo tỷ lệ 10% mệnh giá/cổ phiếu.

4

THÔNG TIN TÀI CHÍNH QUAN TRỌNG



TẠO GIÁ TRỊ CHO CỔ ĐÔNG

Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu	10,1 %
Trả cổ tức	331 tỷ đồng
Lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu	3.051 đồng

KDC ĐÃ XÂY DỰNG MỘT NỀN TẢNG ĐỂ ĐẢM BẢO HIỆN THỰC HÓA MỤC TIÊU KINH DOANH CỦA CÔNG TY

- 1 DOANH THU TẬP ĐOÀN
- 2 LỢI NHUẬN GỘP
- 3 LỢI NHUẬN HOẠT ĐỘNG
- 4 LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
- 5 DÒNG TIỀN TỪ HĐKD

4.561
TỶ ĐỒNG

tăng **6,4%** so với năm 2012

1.976
TỶ ĐỒNG

tăng **5,7%** so với năm 2012

623
TỶ ĐỒNG

tăng **22,1%** so với năm 2012

619
TỶ ĐỒNG

tăng **26,3%** so với năm 2012

707
TỶ ĐỒNG

tăng **53,3%** so với năm 2012

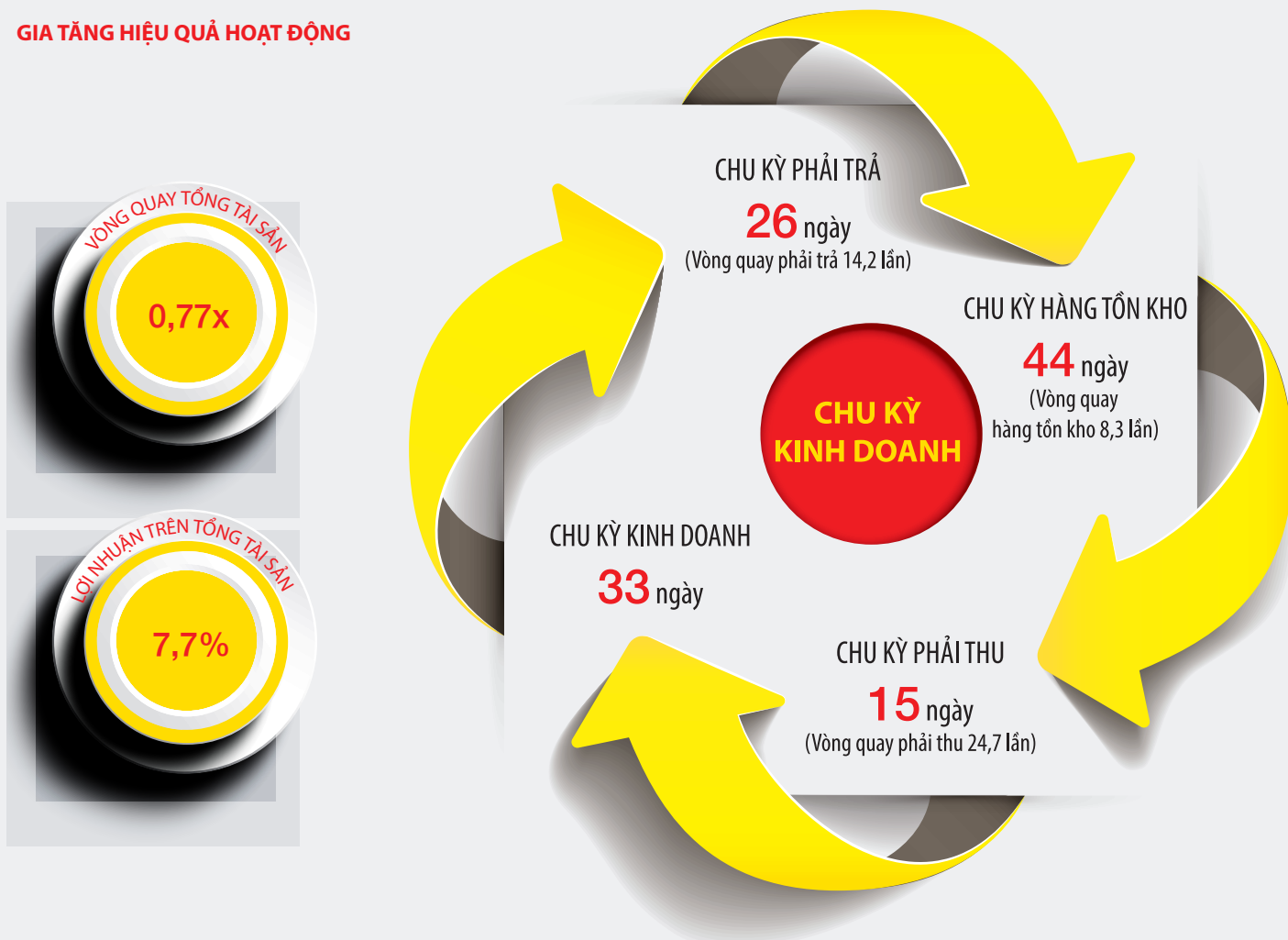
Biên lợi nhuận gộp **43,3%**

Biên lợi nhuận hoạt động **13,7%**

“ 2013: MỘT NĂM BẢN LỀ CHO KDC ”

Chúng tôi đã và đang tiếp tục đầu tư xây dựng hệ thống, nền tảng hoạt động của Tập đoàn. Cùng với đội ngũ CBCNV toàn tâm theo đuổi định hướng chiến lược xây dựng Tập đoàn theo chiến lược “Food & Flavor”. Tập đoàn có vị thế rất tốt để thực hiện các mục tiêu trong “Tăng trưởng có lợi nhuận”, hoàn thành giai đoạn cuối của quá trình tái cấu trúc. ”

GIA TĂNG HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



THẬN TRỌNG TRONG VIỆC SỬ DỤNG VỐN QUAY

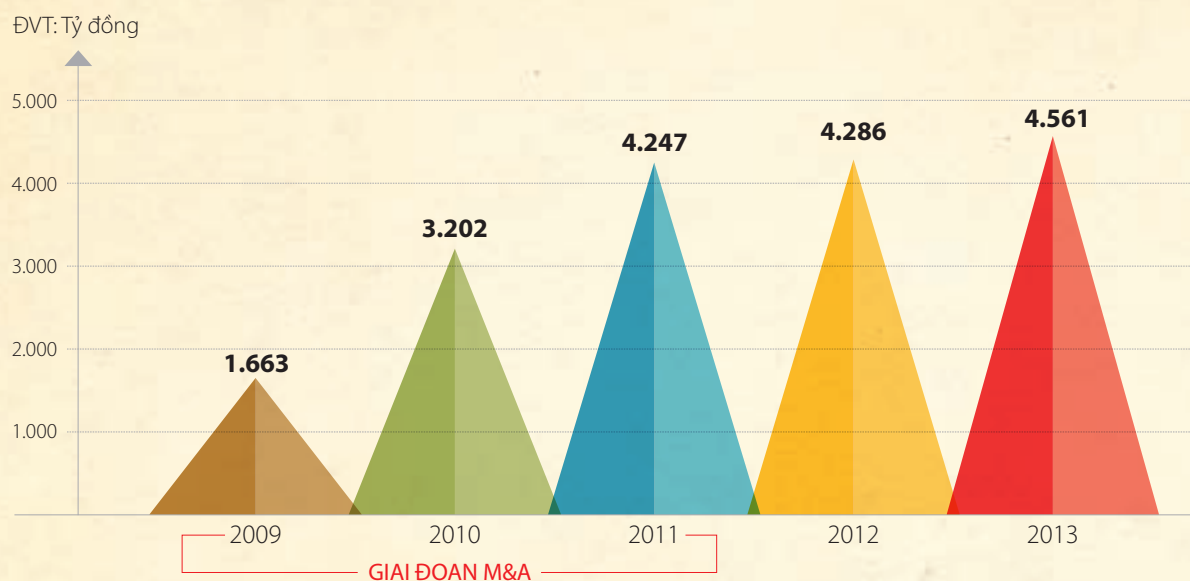


DỰ TRỮ TIỀN MẶT DỐI DÀO ĐỂ THÚC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG



THÔNG TIN TÀI CHÍNH QUAN TRỌNG (tiếp theo)

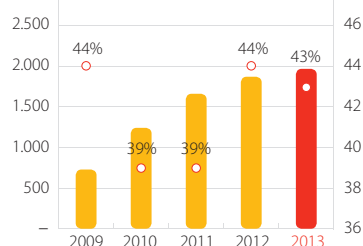
DOANH THU QUA CÁC NĂM



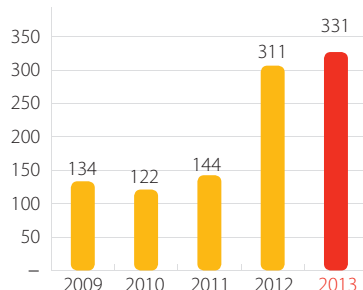
1.976 TỶ ĐỒNG
LỢI NHUẬN GỘP NĂM 2013

BIỂU ĐỒ THỂ HIỆN TÀI SẢN QUÁ CÁC NĂM

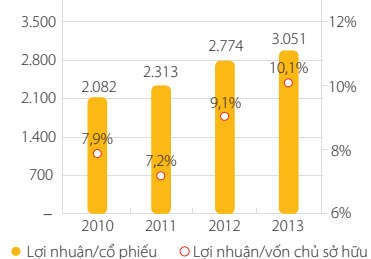
Lợi nhuận gộp và biên lợi nhuận gộp (tỷ đồng)



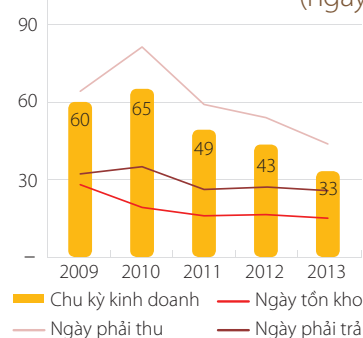
Cổ tức (tỷ đồng)



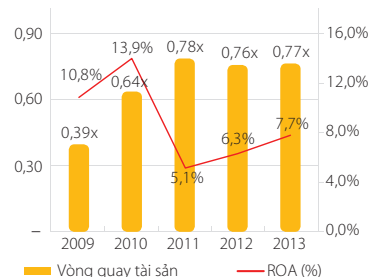
Lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu



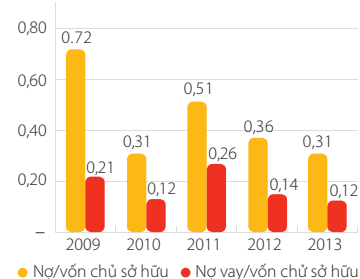
Chu kỳ hoạt động kinh doanh (ngày)



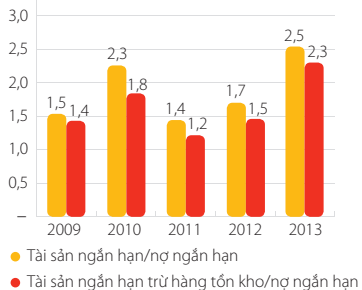
Hiệu quả hoạt động/tài sản



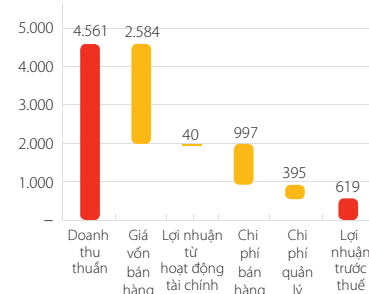
Tỷ lệ nợ



Mức độ thanh khoản



Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh (tỷ đồng)





SỞ HỮU CỔ PHẦN

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	SỞ HỮU CỔ PHẦN %
Trần Kim Thành	0,08%
Trần Lệ Nguyên	8,42%
Wang Ching Hua	0,52%
Vương Bửu Linh	0,05%
Vương Ngọc Xiêm	3,48%
Trần Quốc Nguyên	0,34%
Nguyễn Văn Thuận	0,01%
Nguyễn Gia Huy Chương	0,00%
Nguyễn Đức Trí	0,00%

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	SỞ HỮU CỔ PHẦN %
Trần Lệ Nguyên	8,42%
Vương Bửu Linh	0,05%
Vương Ngọc Xiêm	3,48%
Wang Ching Hua	0,52%
Nguyễn Xuân Luân	0,07%
Mai Xuân Trầm	0,04%
Bùi Thanh Tùng	0,04%
Trần Quốc Nguyên	0,34%
Trần Quốc Việt	0,02%
Trần Tiến Hoàng	0,09%
Kelly Yin Hon Wong	0,02%
Mã Thanh Danh	0,00%

BAN KIỂM SOÁT	SỞ HỮU CỔ PHẦN %
Lê Cao Thuận	0,00%
Võ Long Nguyên	0,00%
Lương Mỹ Duyên	0,00%



34,64%

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN TRỰC
TIẾP VÀ GIÁN TIẾP CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN QUAN



99,8%

TỶ LỆ SỞ HỮU

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Việt Nam - Singapore, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Hoạt động chính: Chế biến nông sản, thực phẩm, sản xuất kẹo, nước tinh khiết, và nước ép trái cây, mua bán nông sản thực phẩm, công nghệ phẩm và vải sợi.



CÔNG TY TNHH MTV KI DO

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Ấp Cây Sộp, Xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hoạt động chính: Sản xuất và kinh doanh các loại thực phẩm, và đồ uống như kem ăn, sữa và các sản phẩm làm từ sữa.

100%

TỶ LỆ SỞ HỮU

CÔNG TY CỔ PHẦN VINABICO

Địa chỉ: 436 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hoạt động chính: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bánh kẹo và sản xuất nước uống tinh khiết.

100%

TỶ LỆ SỞ HỮU





CÔNG TY TNHH MTV KINH ĐÔ MIỀN BẮC

Địa chỉ: Thị trấn Bần Yên Nhân, Huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Hoạt động chính: Sản xuất và chế biến các loại thực phẩm, bao gồm các loại bánh thượng hạng, kinh doanh thực phẩm, các loại đồ uống, rượu và thuốc lá tại Việt Nam, và cho thuê nhà xưởng.



100%
TỶ LỆ SỞ HỮU

CÔNG TY TNHH TÂN AN PHƯỚC

Địa chỉ: 6/134 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh. Việt Nam.

Hoạt động chính: Kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LAVENUE

Địa chỉ: Lầu 3, Tòa nhà May Flower, 12 Lê Thánh Tôn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hoạt động chính: Kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản.

49%
TỶ LỆ SỞ HỮU

50%
TỶ LỆ SỞ HỮU



LỢI NHUẬN
TRƯỚC THUẾ

619 TỶ ĐỒNG

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý Cổ đông,

Năm 2013 là năm mang ý nghĩa rất đặc biệt - đánh dấu 20 năm ngày thành lập Tập đoàn Kinh Đô (KDC), đây là cột mốc rất quan trọng và có ý nghĩa đối với Tập đoàn nói chung và đặc biệt đối với cá nhân tôi - một trong những người đã sáng lập nên Tập đoàn này.

Chúng tôi khởi nghiệp vào những năm đầu thập niên 90, khi đó thị trường Việt Nam cũng như ngành công nghiệp bánh kẹo còn rất sơ khai so với hiện nay. Ra đời từ thời điểm đó nên chúng tôi rất am hiểu sự chuyển biến của ngành. Trong 20 năm qua, ngành công nghiệp thực phẩm nhìn chung đã có những thay đổi mạnh mẽ và toàn diện. KDC đã tạo được vị thế dẫn đầu trong ngành thực phẩm và đã trở thành một trong những thương hiệu Việt Nam uy tín, gần gũi với người tiêu dùng khắp cả nước.

Năm nay, chúng tôi rất vui mừng thông báo với Quý Cổ đông rằng, KDC đã đạt được kết quả vượt bậc và đã hoàn thành giai đoạn 4 của quá trình tái cấu trúc công ty: “Tăng trưởng có lợi nhuận” với doanh thu đạt 4.561 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế đạt 619 tỷ đồng. Quan trọng hơn, chúng tôi đã đạt được sự cam kết với Quý Cổ đông cách đây hai năm là nâng cao hiệu quả của việc sử dụng vốn, năm 2013 ROE đã đạt 10.1%. Ngoài ra, chúng tôi đã tiếp tục phát huy hiệu quả các hệ thống vận hành mới, cụ thể là đã thiết lập hệ thống phân phối rộng khắp cả nước cùng danh mục sản phẩm đa dạng, trong đó có nhiều sản phẩm dẫn đầu thị trường và được người tiêu dùng yêu mến. Những thành tựu này

là rất đáng tự hào trong bối cảnh điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn và mức độ phức tạp khi tái cấu trúc một doanh nghiệp quy mô lớn. Toàn bộ quá trình thực hiện không chỉ đơn giản là việc hợp nhất các công ty con lại với nhau mà còn là cả một quá trình chúng tôi chuyển đổi và hợp nhất các công ty theo một chiến lược gồm hai phần: xây dựng nền tảng hệ thống vận hành chuyên nghiệp, sẵn sàng để tiếp tục thực hiện chiến lược Food & Flavor.

Nhìn lại chặng đường phát triển của KDC trong 20 năm qua, có thể nói chúng tôi đã tạo nên những lợi thế cạnh tranh cốt lõi, nhằm tiếp cận được các cơ hội trong thị trường cạnh tranh ngày càng gay gắt. Không những tạo dựng hệ thống phân phối và thương hiệu, KDC còn xây dựng những nhãn hiệu dẫn đầu thị trường thuộc câu lạc bộ 1.000 tỷ của KDC như Solite, AFC, Cosy, bánh Trung thu Kinh Đô, kem Merino và Celano....

Về hệ thống quản trị, KDC còn xây dựng nền tảng nội lực phát triển bền vững cho tương lai thông qua đào tạo đội ngũ cán bộ quản trị chuyên nghiệp cùng trình độ chuyên môn và kinh nghiệm vững vàng. KDC đã xây dựng được hệ thống vận hành SBU dưới sự điều hành của Ủy Ban Quản lý Điều hành - EMC (Executive Management Committee) giúp các công ty con có thể vận hành một cách hiệu quả. Song song đó, KDC đã đầu tư rất nhiều vào hệ thống IT để giúp cho việc quản lý của Tập đoàn tốt hơn. IT hóa có thể giúp KDC nâng cao năng lực quản trị và đó là nền tảng quan trọng trong sự phát triển của Tập đoàn.

DOANH THU
4.561
TỶ ĐỒNG

NHÌN LẠI CHẶNG ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN CỦA KDC TRONG 20 NĂM QUA, CÓ THỂ NÓI CHÚNG TÔI ĐÃ TẠO NÊN NHỮNG LỢI THẾ CẠNH TRANH CỐT LÕI, NHẢM TIẾP CẬN ĐƯỢC CÁC CƠ HỘI TRONG THỊ TRƯỜNG CẠNH TRANH NGÀY CÀNG GAY GẮT. KDC CŨNG ĐÃ TẠO DỰNG ĐƯỢC MỘT NỀN TẢNG VỮNG CHẮC NHẪM TẠO ĐIỀU KIỆN CHO CÔNG TY PHÁT TRIỂN MỘT CÁCH ỔN ĐỊNH, CHỊU ĐƯỢC ÁP LỰC VỚI THỊ TRƯỜNG NGÀY CÀNG CẠNH TRANH VÀ HỘI NHẬP VÀO QUỐC TẾ.



Trên chặng đường phát triển, KDC cũng là một trong các công ty tiên phong trong hoạt động M&A, liên minh liên kết, hợp tác và đa dạng hóa ngành hàng tạo nên sự phát triển của Tập đoàn hiện nay. Tôi tin rằng, với những nỗ lực trong thời gian qua, KDC đã tạo dựng được một nền tảng vững chắc nhằm tạo điều kiện cho công ty phát triển một cách ổn định, chịu được áp lực với thị trường ngày càng cạnh tranh và hội nhập vào quốc tế.

Thưa Quý Cổ đông,

Hiện nay, Việt Nam chúng ta đã hội nhập sâu vào quỹ đạo của toàn cầu hóa, các hiệp định WTO, AFTA sẽ gỡ bỏ hàng rào thuế quan vào năm 2018. Việt Nam cũng sẽ gia nhập TPP cũng như tham gia vào các hiệp định mậu dịch tự do khác. Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng, KDC sẽ tiếp tục củng cố nội lực, giữ vững vị thế dẫn đầu, chủ động trong việc nắm bắt các cơ hội liên kết, hợp tác nhằm đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng, đa dạng hóa sản phẩm phục vụ người tiêu dùng.

Mặc dù KDC đã đạt được thành công nhất định, nhưng KDC vẫn luôn ý thức phải tiếp tục đổi mới, không ngừng củng cố lợi thế trong ngành hiện tại, nâng cao năng lực cạnh tranh vượt ra khỏi những dự kiến hiện tại, tạo nền tảng cho sự phát triển tương lai cũng như tâm thế sẵn sàng đón nhận thêm những công ty thành viên mới, sẽ được sáp nhập tiếp tục vào Tập đoàn trong tương lai.

Xuyên suốt chặng đường phát triển, KDC luôn chuẩn bị rất kỹ càng, nhạy bén nắm bắt cơ hội, tranh thủ cơ duyên và đầu tư cho tương lai. KDC luôn tìm kiếm cơ hội hợp tác mới, tạo sự đột phá cho thị trường hiện tại và gia tăng năng lực kinh doanh. KDC vẫn sẽ tập trung lĩnh vực kinh doanh cốt lõi - ngành thực phẩm theo chiến lược Food & Flavor, đẩy mạnh hoạt động M&A với định hướng tiếp tục tìm kiếm cơ hội đầu tư vào những công ty phù hợp với chiến lược đã đề ra, mở rộng hoạt động liên doanh, liên kết, hợp tác cùng các đối tác mang tầm quốc tế để tìm cơ hội đưa thương hiệu Kinh Đô phát triển vươn tầm quốc tế.

CHẶNG ĐƯỜNG 10 NĂM TỚI, TẬP ĐOÀN KINH ĐÔ TIẾP TỤC THAM GIA ĐẦU TƯ VÀO CÁC NGÀNH HÀNG THỰC PHẨM CÓ QUY MÔ LỚN, ĐỒNG THỜI GIA TĂNG HỢP TÁC ĐỂ VƯƠN RA THẾ GIỚI, SẼ TẠO NHIỀU THÀNH TÍCH VƯỢT BẬC HƠN NỮA, THIẾT LẬP TRANG SỬ MỚI CHO KDC.

20 năm qua, chúng tôi luôn nỗ lực xây dựng Kinh Đô phát triển không ngừng và trở thành thương hiệu hàng đầu trong ngành thực phẩm. Từ cột mốc thành lập công ty vào năm 1993, trong 10 năm đầu khởi nghiệp, bằng tâm huyết và mạnh dạn đầu tư công nghệ, nắm bắt cơ hội, chúng tôi đã đưa Kinh Đô phát triển thần tốc với tốc độ tăng trưởng bình quân 30%/năm, từ cơ sở nhỏ tiến lên công ty thực phẩm hàng đầu Việt Nam, có nhiều đóng góp quan trọng cho cộng đồng xã hội. 10 năm tiếp theo, chúng tôi đã có những bước đi đầy táo bạo, khẳng định sự tiên phong và đã tạo các dấu ấn mang tên Kinh Đô qua các sự kiện: mua lại nhà máy của công ty mang tầm quốc tế - Nhà máy kem Wall's từ Unilever, niêm yết cổ phiếu Kinh Đô trên thị trường chứng khoán, thực hiện hàng loạt các thương vụ mua bán sáp nhập, liên minh, liên kết hợp tác cả trong và ngoài nước. Xuyên suốt quá trình đó, chúng tôi luôn nỗ lực hoàn thành các mục tiêu kinh doanh, đưa công ty liên tục tăng trưởng, tạo giá trị cho cộng đồng, cho cổ đông và cho các đối tác. Chúng tôi về cơ bản đã hoàn thành quá trình tái cấu trúc để sẵn sàng

đón nhận các cơ hội cả trong và ngoài nước. Chặng đường 10 năm tới, Tập đoàn Kinh Đô tiếp tục tham gia đầu tư vào các ngành hàng thực phẩm có quy mô lớn, đồng thời gia tăng hợp tác để vươn ra thế giới, sẽ tạo nhiều thành tích vượt bậc hơn nữa, thiết lập trang sử mới cho KDC.

Nhìn lại chặng đường phát triển của Kinh Đô, chúng tôi trân trọng sự đồng hành, ủng hộ và hợp tác bền chặt của Quý Cổ đông, Nhà Đầu tư, đội ngũ CBCNV, Đối tác, Nhà Cung cấp, Nhà Phân phối đã góp phần quan trọng cho sự thành công của Kinh Đô. Đây chính là sức mạnh và niềm tin để tiếp sức cho chúng tôi trong chặng đường phát triển 10 năm tiếp theo.

Cuối cùng kính chúc Quý Cổ đông dồi dào sức khỏe và gặt hái nhiều thành công.

TRẦN KIM THÀNH

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Tập đoàn Kinh Đô



VỚI BƯỚC NGOẶT HOÀN THÀNH GIAI ĐOẠN 4 CỦA QUÁ TRÌNH TÁI CẤU TRÚC TRONG NĂM QUA, KDC TIN ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC NHỮNG MỤC TIÊU DÀI HẠN ĐẶT RA TỪ ĐẦU NĂM 2010, ĐÓ LÀ THIẾT LẬP MỘT NỀN TẢNG THỐNG NHẤT, TẠO TIỀN ĐỂ TĂNG TRƯỞNG CHO TƯƠNG LAI VÀ HỖ TRỢ CHIẾN LƯỢC SẢN PHẨM **"FOOD & FLAVOR"**.

THÔNGIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính thưa Quý Cổ đông,

Chúng ta vừa trải qua năm 2013 - một năm vẫn còn nhiều khó khăn, kinh tế vĩ mô chưa có dấu hiệu phục hồi rõ rệt và sức mua của thị trường vẫn tiếp tục bị ảnh hưởng. Trong bối cảnh đó, KDC xác định kiên trì với lĩnh vực kinh doanh cốt lõi - ngành thực phẩm với định hướng tập trung mọi nguồn lực của công ty hướng về thị trường, khai thác các cơ hội từ thị trường. Năm 2013, KDC cũng đã hoàn thành giai đoạn 4 của quá trình tái cấu trúc công ty: Tăng trưởng có lợi nhuận. Kết quả là mặc dù sức mua giảm nhưng doanh số KDC vẫn tăng trưởng so với năm 2012 và đã đạt lợi nhuận kỷ lục trong năm vừa qua.

Quá trình tái cấu trúc công ty được chúng tôi kiên trì thực hiện suốt 5 năm qua với 4 giai đoạn: Chuẩn bị (2009 - 2010) - Xây dựng nền tảng (2011) - Lợi nhuận nhờ sự hiệu quả (2012) và Tăng trưởng có lợi nhuận (2013). Xuyên suốt 2 năm 2010 và 2011, KDC đã tập trung vào cải thiện hoạt động nội bộ và thống nhất các quy trình. Chúng tôi đã dành phần lớn thời gian trong hai năm đó để kết nối các công ty lại với nhau và hợp nhất các hoạt động thành một bộ máy thống nhất. Đến năm 2012, KDC tiến vào giai đoạn 3 của quá trình tái cấu trúc (Lợi nhuận nhờ sự hiệu quả), tập trung vào lợi nhuận và các thay đổi, tận dụng các cải thiện trong việc thống nhất quy trình bao gồm các thay đổi lớn trong việc bán hàng, quản lý thương hiệu, quản lý vốn lưu động, và hợp lý hóa danh mục sản phẩm.

Với bước ngoặt hoàn thành giai đoạn 4 của quá trình tái cấu trúc trong năm qua, KDC tin đã đạt được những mục tiêu dài hạn đặt ra từ đầu năm 2010, đó là thiết lập một nền tảng thống nhất, tạo tiền đề tăng trưởng cho tương lai và hỗ trợ

chiến lược sản phẩm "Food & Flavor". Nền tảng này sẽ tiếp tục được cải thiện với hiệu quả tăng lên dần qua các năm. Tăng trưởng như trong hai năm vừa qua thực sự bị ảnh hưởng bởi tình hình thị trường nói chung, sức mua không tăng nhưng với chiến lược hướng về thị trường, thỏa mãn nhu cầu thị trường, lợi nhuận của KDC vượt kế hoạch trong bối cảnh khó khăn.

Năm qua, chiến lược tái cấu trúc danh mục sản phẩm, tập trung vào các sản phẩm chủ lực tiếp tục mang lại hiệu quả và góp phần đáng kể vào việc cải thiện hiệu quả lợi nhuận của KDC. Bên cạnh đó, KDC cũng đẩy mạnh việc đa dạng hóa sản phẩm thông qua việc tung hàng loạt sản phẩm mới phục vụ thị trường: AFC ngũ cốc nguyên hạt, bánh mì tươi Kinh Đô, các dòng sản phẩm mới phục vụ thưởng thức, biếu tặng trong dịp Trung thu, Tết nguyên đán ...

Năm 2013, KDC chúng tôi cũng đã bắt đầu thực hiện giai đoạn đầu tiên của chiến lược Food & Flavor, được định nghĩa là các sản phẩm hỗ trợ hoặc thay thế bữa ăn nhằm gia tăng khả năng lựa chọn của người tiêu dùng thông qua các loại sản phẩm mới cũng như gia tăng giá trị thông qua việc cải thiện chất lượng sản phẩm và đa dạng hóa sản phẩm. Chiến lược sản phẩm là chiến lược dài hạn, mặc dù đã bắt đầu theo đuổi trong các năm qua nhưng trong bối cảnh điều kiện kinh tế không khả quan và sức mua từ thị trường chưa được cải thiện nhiều, KDC đã chủ động hoãn lại việc tung các sản phẩm mới này. Hơn ai hết, chúng tôi hiểu sự cạnh tranh gay gắt trong các ngành hàng mới mà chúng tôi chuẩn bị tham gia. Là người đi sau, chúng tôi càng không thể vội vàng mà đi đến đâu, chắc đến đó.

LỢI NHUẬN GỘP

1.976

TỶ ĐỒNG

Thay vào đó, chúng tôi đã tập trung cải thiện lợi nhuận bằng việc tận dụng danh mục sản phẩm chủ lực sẵn có và đã mang lại hiệu quả đáng kể cho KDC.

Kết quả kinh doanh của KDC trong năm qua đã khẳng định nỗ lực thực thi hiệu quả của chúng tôi trong bối cảnh điều kiện kinh tế khó khăn. Đặc biệt, tăng trưởng doanh thu thuần của công ty là 6,4% trong năm 2013 mặc dù thị trường còn nhiều khó khăn, sức mua hạn chế. Lợi nhuận công ty cũng được cải thiện rõ rệt với kết quả lợi nhuận trước thuế tăng 26,3% so với năm 2012. Đây chính là minh chứng rõ ràng nhất đối với việc cải thiện hiệu quả hoạt động kinh doanh mà KDC đã thực hiện. Ngoài ra, chính sự quản lý tốt của Ban Lãnh đạo đã tạo sự tăng trưởng về lợi nhuận. Đây chính là nền tảng để công ty tiếp tục nâng cao giá trị cho các cổ đông trong tương lai.

Trong năm qua, KDC chúng tôi cũng thể chế hóa quy trình quản lý Tập đoàn thông qua việc thành lập Ủy Ban Quản Lý Điều Hành (Executive Management Committee), chịu trách nhiệm trực tiếp đối với một số chức năng chủ chốt và các mảng hoạt động chiến lược của công ty, từ đó có thể đưa ra quyết định điều hành hàng ngày một cách kịp thời và hiệu quả, giúp tận dụng tối đa các cơ hội. Bằng cách giao trách nhiệm trực tiếp và thiết lập Ủy Ban Quản Lý Điều hành - EMC, chúng tôi đã có thể quản lý mức độ phức tạp và quy mô ngày càng lớn của toàn bộ tổ chức.

Thưa Quý Cổ đông,

Với việc hoàn thành thành công giai đoạn cuối của quá trình tái cấu trúc công ty trong năm qua, chúng tôi tin rằng KDC đã và đang sở hữu một nền tảng vững mạnh cả về mặt hoạt động và chiến lược để tiến về phía trước. Nền tảng này cho phép chúng tôi tập trung và đủ linh hoạt để

tận dụng các cơ hội tiềm năng cũng như có khả năng chủ động quản lý các rủi ro từ môi trường kinh doanh. Hiện nay, KDC đang bước vào giai đoạn phát triển tiếp theo, với định hướng tăng trưởng cả doanh thu và lợi nhuận.

Trong chặng đường mới, một mặt chúng tôi sẽ tập trung khai thác tốt lợi thế quy mô, nền tảng vững chắc đã xây dựng được trong các năm qua, mặt khác chúng tôi vẫn tiếp tục cải thiện, gia tăng hiệu quả của các quy trình, nâng cao năng lực cạnh tranh. Quá trình này sẽ giúp cải thiện lợi nhuận và đảm bảo sự tăng trưởng ổn định, nâng cao giá trị cho cổ đông và các đối tác trong chuỗi giá trị của Công ty.

Với lợi thế quy mô và nền tảng nội lực vững chắc mà KDC đã kiên trì xây dựng trong những năm qua, chúng tôi tin rằng KDC hiện nay là một công ty đủ nội lực để chủ động nắm bắt các cơ hội hợp tác cả trong và ngoài nước, sẵn sàng tham gia vào những ngành hàng có quy mô lớn và tận dụng nó một cách tốt nhất, tạo ra các giá trị mới, đột phá trong năm 2014 và những năm tiếp theo.

Thay mặt Ban Lãnh đạo công ty, tôi trân trọng cảm ơn sự đồng hành, hợp tác và ủng hộ của Quý Cổ đông, Quý Nhà đầu tư, Quý Đối tác và những đóng góp quan trọng của quý vị cho thành công của Kinh Đô trong suốt 20 năm qua. Tôi mong muốn trong tương lai, mối quan hệ hợp tác này sẽ ngày càng bền chặt để KDC chúng tôi tiếp tục tạo ra nhiều giá trị hơn nữa cho Quý Cổ đông, Quý Đối tác trong chuỗi giá trị của KDC.

TRẦN LÊ NGUYỄN

Tổng Giám đốc
Tập đoàn Kinh Đô

VỚI LỢI THẾ QUY MÔ VÀ NỀN TẢNG NỘI LỰC VỮNG CHẮC MÀ KDC ĐÃ KIÊN TRÌ XÂY DỰNG TRONG NHỮNG NĂM QUA, CHÚNG TÔI TIN RẰNG KDC HIỆN NAY LÀ MỘT CÔNG TY ĐỦ NỘI LỰC ĐỂ CHỦ ĐỘNG NẮM BẮT CÁC CƠ HỘI HỢP TÁC CẢ TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC, SẴN SÀNG THAM GIA VÀO NHỮNG NGÀNH HÀNG CÓ QUY MÔ LỚN VÀ TẬN DỤNG NÓ MỘT CÁCH TỐT NHẤT, TẠO RA CÁC GIÁ TRỊ MỚI, ĐỘT PHÁ TRONG NĂM 2014 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO.



CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NỘI DUNG HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Cuộc họp ngày 10/01/2013: Thông qua việc sáp nhập Vinabico.
- Cuộc họp ngày 23/01/2013: Thông qua trả cổ tức đợt 1 năm 2012.
- Cuộc họp ngày 10/04/2013: Thông qua các nội dung trình bày cho cổ đông trong đại hội.
- Cuộc họp ngày 23/04/2013: Thông qua báo cáo tài chính quý 1 năm 2013.
- Cuộc họp ngày 26/04/2013: Thông qua điều lệ công ty năm 2013.
- Cuộc họp ngày 08/07/2013: Chọn đơn vị kiểm toán cho năm 2013.
- Cuộc họp ngày 01/08/2013: Thông qua việc trả cổ tức đợt 2 năm 2012.
- Cuộc họp ngày 20/10/2013: Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh 9 tháng năm 2013, đánh giá kết quả mùa Trung thu, thông qua báo cáo tài chính quý 3 năm 2013.
- Cuộc họp ngày 04/11/2013: Ban hành nghị quyết để hỏi ý kiến cổ đông.

STT	THÀNH VIÊN	CHỨC VỤ	PHIÊN HỌP THAM GIA	%	NHẬN ĐỊNH
1	Trần Kim Thành	Chủ tịch HĐQT	9/9	100%	
2	Trần Lệ Nguyên	Phó Chủ tịch HĐQT	9/9	100%	
3	Wang Ching Hua	Thành Viên	9/9	100%	
4	Vương Bửu Linh	Thành Viên	9/9	100%	
5	Nguyễn Gia Huy Chương	Thành Viên	9/9	100%	
6	Vương Ngọc Xiêm	Thành Viên	9/9	100%	
7	Trần Quốc Nguyên	Thành Viên	9/9	100%	
8	Nguyễn Văn Thuận	Thành Viên	9/9	100%	
9	Nguyễn Đức Trí	Thành Viên	9/9	100%	
10	Lê Cao Thuận	Trưởng BKS	9/9	100%	
11	Võ Long Nguyên	TV BKS	9/9	100%	
12	Lương Mỹ Duyên	TV BKS	9/9	100%	

NGHỊ QUYẾT HĐQT

STT	NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG
1	01/2013/NQ-HĐQT	18/01/2013	Thông qua sáp nhập Vinabico
2	02/2013/NQ-HĐQT	23/01/2013	Thông qua trả cổ tức đợt 1 năm 2012
3	03/2013/NQ-HĐQT	08/07/2013	Chọn đơn vị kiểm toán năm 2013
4	04/2013/NQ-HĐQT	01/08/2013	Thông qua trả cổ tức đợt 2 năm 2012
5	05/2013/NQ-HĐQT	04/11/2013	Ban hành nghị quyết hỏi ý kiến cổ đông



HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Hoạt động giám sát thông qua các báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại cuộc họp báo cáo quý.
- Do đặc trưng trong cơ cấu tổ chức, sáu (06) thành viên Hội đồng Quản trị cũng là thành viên trong Ban Tổng Giám đốc, vì vậy các thông tin, hoạt động của Ban Tổng Giám đốc được Hội đồng Quản trị nắm rõ và quản lý hiệu quả.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đến hết Quý 4 năm 2013, Công ty chưa thành lập các tiểu ban.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông **TRẦN KIM THÀNH**
NGƯỜI SÁNG LẬP TẬP ĐOÀN KINH ĐÔ
CHỦ TỊCH HĐQT



Nhà sáng lập với nhiều năm kinh nghiệm điều hành và quản trị doanh nghiệp cùng tầm nhìn chiến lược, hài hòa giữa khả năng quyết đoán và sự cẩn trọng trong quản lý rủi ro. Ông đã dẫn dắt Kinh Đô vượt qua môi trường kinh doanh đầy thách thức, phát triển vượt bậc từ một công ty gia đình nhỏ trở thành Tập đoàn bánh kẹo số một tại Việt Nam. Luôn nhạy bén nắm bắt cơ hội, phân tích rủi ro và đưa ra những quyết định để đạt mục tiêu, Ông đã thành công trong việc hoạch định chiến lược và thực hiện các thương vụ M&A, đặc biệt thương vụ mua lại nhà máy kem Wall's từ Unilever.

Chiến lược lãnh đạo của ông tại Kinh Đô là tạo ra một công ty tốt nhất với đội ngũ nhân sự và quy trình vận hành chuyên nghiệp. Dành trọn tâm huyết cho mọi hoạt động và trong từng cột mốc phát triển của Kinh Đô, ông luôn truyền cảm hứng và định hướng công việc rõ ràng cho đội ngũ nhân sự của Công ty. Hiện ông Thành là Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Kinh Đô và là thành viên HĐQT của nhiều công ty tầm cỡ tại Việt Nam; đóng góp không nhỏ vào sự tăng trưởng và phát triển của đất nước. Ông còn là Ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Ông đã nhận được rất nhiều bằng khen của Trung ương và địa phương về sự đóng góp cho nền kinh tế - xã hội của Việt Nam.



Ông **TRẦN LỆ NGUYÊN**
ĐỒNG SÁNG LẬP TẬP ĐOÀN KINH ĐÔ
PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT
KIỂM CEO TẬP ĐOÀN KINH ĐÔ



Ông Nguyên là một doanh nhân thành đạt, một nhà lãnh đạo cương quyết, táo bạo với những thành tích kinh doanh nổi bật trong vài thập niên qua, ông Nguyên đã góp phần quan trọng xây dựng Kinh Đô phát triển thành một trong những Tập đoàn thực phẩm quy mô tại Việt Nam. Bằng tất cả tâm huyết và đam mê, ông đã điều hành và đưa Kinh Đô trở thành thương hiệu nổi tiếng tại Việt Nam với chuỗi sản phẩm đa dạng, chiếm lĩnh thị trường. Ông đã thành công trong quyết định mua lại nhà máy kem Wall's từ Unilever và đã lãnh đạo phát triển ngành hàng này cho đến ngày nay. Ngoài ra, ông còn thành công trong việc thực hiện các thương vụ M&A khác. Ước nguyện của ông là sự trường tồn của thương hiệu Kinh Đô.

Hiện ông là Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tập đoàn, ông còn là Ủy viên Hội đồng Quản trị của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), đồng thời giữ chức vụ quan trọng trong các công ty hàng đầu khác tại Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Bà **VƯƠNG BỬU LINH**

ĐỒNG SÁNG LẬP TẬP ĐOÀN KINH ĐÔ
THÀNH VIÊN HĐQT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC TẬP ĐOÀN



Bà **VƯƠNG NGỌC XIÊM**

ĐỒNG SÁNG LẬP TẬP ĐOÀN KINH ĐÔ
THÀNH VIÊN HĐQT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC TẬP ĐOÀN



Ông **WANG CHING HUA**

ĐỒNG SÁNG LẬP TẬP ĐOÀN KINH ĐÔ
THÀNH VIÊN HĐQT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC TẬP ĐOÀN

Bà Vương Bửu Linh là một trong những thành viên sáng lập, đã gắn bó và điều hành Kinh Đô ngay từ những ngày đầu thành lập. Bà có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý, điều hành chuỗi cung ứng (Supply Chain) và đóng góp đáng kể cho sự phát triển của Tập đoàn Kinh Đô và các công ty con, dẫn đến việc hạ giá thành, ổn định chất lượng nhằm tăng sức cạnh tranh cho công ty. Bà là người định hướng chiến lược ứng dụng ERP của SAP vào Kinh Đô, giúp nâng cao khả năng quản lý hiệu quả và ra quyết định nhanh chóng, chính xác trong toàn hệ thống Kinh Đô.

Hiện nay, bà là Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc của Tập đoàn Kinh Đô.

Bà Vương Ngọc Xiêm là một trong những thành viên sáng lập, đã tham gia điều hành Kinh Đô từ những ngày đầu thành lập. Bà đã có nhiều năm kinh nghiệm quản lý hoạt động của Tập đoàn, đặc biệt là mảng bán lẻ và hoạt động xuất khẩu của Kinh Đô. Với những kinh nghiệm quản lý và khả năng lãnh đạo nhạy bén, bà đã có những đóng góp quan trọng cho sự tăng trưởng của Tập đoàn kể từ khi thành lập.

Hiện nay, bà là Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Kinh Đô.

Ông có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chế biến và sản xuất thực phẩm và là một trong những thành viên sáng lập, giúp thiết lập nên hệ thống sản xuất của công ty. Từ đó đến nay, ông là nhân tố chủ chốt giúp phát triển và mở rộng quy mô sản xuất của Kinh Đô trên toàn quốc.

Hiện nay, ông là thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Kinh Đô.



Ông **TRẦN QUỐC NGUYỄN**
THÀNH VIÊN HĐQT



Ông **NGUYỄN VĂN THUẬN**
THÀNH VIÊN HĐQT



Ông **NGUYỄN GIA HUY CHƯƠNG**
THÀNH VIÊN HĐQT



Ông **NGUYỄN ĐỨC TRÍ**
THÀNH VIÊN HĐQT

Ông Nguyễn có hơn 17 năm kinh nghiệm về quản lý và điều hành các công ty thành viên trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh thuộc Tập đoàn Kinh Đô. Ông đã đảm nhiệm nhiều chức vụ như thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc các công ty thành viên trong Tập đoàn Kinh Đô.

Ông hiện nay là Tổng Giám đốc Công ty KI DO, thành viên HĐQT và Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Kinh Đô.

Ông là thành viên HĐQT của Tập đoàn Kinh Đô. Đồng thời là Tiến sĩ Kinh Tế, Trưởng khoa Tài chính - Ngân Hàng, Trường Đại học Mở TP.HCM.

Ông có hơn 30 năm giảng dạy trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và rất am hiểu thị trường tài chính ngân hàng ở Việt Nam.

Bên cạnh hoạt động chuyên môn tại Trường Đại học Kinh Tế TP.HCM (20 năm) và Trường Đại học Mở TP.HCM, Ông còn tham gia tư vấn và cố vấn tài chính cho nhiều công ty, các tổ chức nước ngoài hoạt động tại Việt Nam.

Ông Chương được bầu vào Hội đồng Quản trị của Kinh Đô từ năm 2013. Ông có bằng thạc sỹ Luật chuyên về Luật Kinh Doanh Quốc tế từ trường Đại học Luật Bristol (Anh).

Ông hiện là cố vấn của Luật Việt và là Tổng Giám đốc/Đối tác quản lý của Phuoc & Co.

Ông Trí đã được bầu vào Hội đồng Quản trị của Kinh Đô từ năm 2013. Ông có bằng Tiến sĩ khoa Quản trị Doanh nghiệp từ trường đại học công nghệ Nanyang - Singapore.

Ông đã công tác tại một công ty đường trực thuộc Bộ Nông nghiệp và dạy tại Trường Đại học Trident (California, Mỹ), Khoa Kinh Tế tại Trường Đại học Risho (Tokyo, Nhật Bản), Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh và một số chương trình liên kết khác tại Việt Nam.



BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông **NGUYỄN XUÂN LUÂN**
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC TẬP ĐOÀN
PHỤ TRÁCH HỆ THỐNG

Ông Luân đã làm việc tại Kinh Đô từ năm 1996. Ông đảm nhiệm nhiều chức vụ hàng đầu tại Tập đoàn như Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc của các công ty thành viên và công ty liên kết. Ông hiện phụ trách nhiều lĩnh vực như xây dựng Hệ thống hoạt động Kinh doanh và Hệ thống đưa ra quyết định tại Kinh Đô cũng như quản lý một đơn vị kinh doanh chiến lược của Tập đoàn.

Hiện nay, ông phụ trách việc xây dựng Hệ thống vận hành và Hệ thống thông tin ra quyết định của Tập đoàn Kinh Đô cũng như trực tiếp quản lý một SBU.



Ông **TRẦN QUỐC VIỆT**
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC TẬP ĐOÀN
TGD KINH ĐÔ MIỀN BẮC

Ông Việt đã có trên 17 năm kinh nghiệm quản lý điều hành các công ty sản xuất ngành hàng tiêu dùng và đã làm việc tại Kinh Đô từ năm 2004.

Ông là Tổng Giám đốc của Kinh Đô Miền Bắc và đã dẫn dắt đưa hoạt động của Tập đoàn tại Miền Bắc đạt được những bước tiến vượt bậc trong 9 năm qua.

Ông hiện là Ủy viên Ban chấp hành Hiệp hội Marketing Việt Nam (VMA). Ủy viên Ban chấp hành Hội Khoa học Kỹ thuật An toàn Thực phẩm Việt Nam (VINAFOSA), chuyên gia nghiên cứu, tư vấn chính sách về quản trị kinh doanh. Ông là Tiến sĩ chuyên ngành kinh doanh và quản lý.



Ông **KELLY WONG**
CFO TẬP ĐOÀN

Ông Wong gia nhập Tập đoàn Kinh Đô vào tháng 8/2011 và phụ trách mảng tài chính kế toán tại Tập đoàn.

Ông Wong đã sống và làm việc tại Việt Nam trên 10 năm tại nhiều Tập đoàn tài chính khác nhau. Ông Wong có bằng Cử nhân Thương mại của Đại học British Columbia tại Vancouver, Canada và bằng Quản trị khu vực châu Á - Thái Bình Dương của Học viện Quản lý McRae tại Đại học Capilano.



Ông **BÙI THANH TÙNG**
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC TẬP ĐOÀN



Ông **MAI XUÂN TRÂM**
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC TẬP ĐOÀN
TỔNG GIÁM ĐỐC VINABICO



Ông **TRẦN TIẾN HOÀNG**
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC TẬP ĐOÀN



Ông **MÃ THANH DANH**
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC TẬP ĐOÀN

Ông Tùng đã làm việc tại Công ty Cổ phần Kinh Đô từ năm 1993. Ông có trên 16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị sản xuất và đặc biệt am hiểu mô hình hoạt động vận hành theo SBU.

Hiện nay, ông là Phó Tổng Giám đốc và là Chủ tịch Công đoàn của Kinh Đô. Ông tốt nghiệp khoa Quản trị Kinh doanh - Trường Đại học Kinh tế và khóa học về Đào tạo Kỹ năng Lãnh đạo Cấp cao của trường Đại học UCLA Anderson (Los Angeles, Mỹ).

Ông là một trong những người đầu tiên xây dựng và vận hành mô hình hệ thống phân phối hiện được sử dụng rộng rãi tại Kinh Đô.

Ông đã tham gia Công ty Kinh Đô ngay từ năm 2000 và có sự thông hiểu sâu sắc về Công ty, mức độ cạnh tranh và thị trường Việt Nam qua những kinh nghiệm làm việc thực tiễn. Ông đã tốt nghiệp MBA tại Trường California Miramar University (Mỹ).

Ông Hoàng gia nhập Tập đoàn Kinh Đô từ năm 1997 và đã có hơn 17 năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành hệ thống mua hàng trong lĩnh vực hàng tiêu dùng (FMCG). Ông được bổ nhiệm vào vị trí Phó Tổng Giám đốc Chuỗi Cung ứng vào năm 2011.

Hiện nay, ông quản lý nhóm giá thành của Công ty, đồng thời giữ vai trò quan trọng trong việc xây dựng chiến lược quản lý đơn mua hàng của cả Tập đoàn. Ông tốt nghiệp Cử nhân Trường Đại học Kinh tế và khóa học về Đào tạo Kỹ năng Lãnh đạo Cấp cao của Trường Đại học UCLA Anderson (Los Angeles, Mỹ).

Ông Danh đã là thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Kinh Đô. Ông tham gia vào Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn từ năm 2013 và phụ trách mảng Kiểm soát Nội bộ của Tập đoàn với chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn.

Ông tốt nghiệp Kỹ sư ngành Điện, Cử nhân ĐH Kinh tế ngành Quản trị Kinh doanh, MBA ngành Chiến lược Kinh doanh Quốc tế & Quản trị Thương hiệu của Vương quốc Bỉ.

Ông có trên 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Quản trị Tài chính; Tư vấn Chiến lược & Quản trị Thương hiệu; Tư vấn sáp nhập công ty.



Ông **LÊ CAO THUẬN**
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



Ông **VÕ LONG NGUYÊN**
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



Bà **LƯƠNG MỸ DUYÊN**
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Tham gia Kinh Đô từ những ngày đầu thành lập, ông Thuận gắn bó và am hiểu sâu sắc quá trình hoạt động và phát triển của Tập đoàn Kinh Đô. Ông là một trong những người đầu tiên tham gia xây dựng Công ty Kinh Đô Miền Bắc và có những đóng góp quan trọng trong việc đưa công ty phát triển như ngày hôm nay. Ông Thuận tốt nghiệp thủ khoa Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Trường Đại học Benedictine - Hoa Kỳ, Cử nhân chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán Trường Đại học Kinh tế và đã hoàn thành chương trình Đại học Bách Khoa, ngành Toán Tin ứng dụng.

Hiện Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tài chính của Công ty TNHH MTV Kinh Đô Miền Bắc kiêm Trưởng Ban Kiểm soát của Công ty CP Kinh Đô.

Ông Nguyên tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế, ngành Quản trị Kinh doanh; đạt Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ do UBCKNN cấp và là một trong những nhà môi giới đầu tiên của thị trường OTC Việt Nam.

Ông có rất nhiều kinh nghiệm về tài chính và đầu tư, tập trung chủ yếu vào thị trường vốn Việt Nam.

Bà Duyên công tác tại Công ty Cổ phần Kinh Đô từ năm 1993 qua các vị trí: Kế toán Tổng hợp và Phó phòng Kế toán, Kế toán trưởng tại Công ty Kinh Đô.

Năm 2006 đến nay, Bà Duyên là Kế toán trưởng, Công ty Cổ phần Địa Ốc Kinh Đô. Bà Duyên tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Tài chính Kế toán và đã tham gia Công ty Kinh Đô suốt cả sự nghiệp.





THAY ĐỔI NHÂN SỰ

STT	NGÀY	NỘI DUNG
1	15/03/2013	Từ nhiệm khỏi HĐQT - Ông Cô Gia Thọ và Ông Mã Thanh Danh
2	12/04/2013	Bổ nhiệm vào HĐQT - Ông Nguyễn Đức Trí và Ông Nguyễn Gia Huy Chương
3	10/05/2013	Ông Foo Woh Seng từ nhiệm - Phó Tổng Giám đốc
4	25/09/2013	Ông Lê Anh Quân từ nhiệm - Phó Tổng Giám đốc
5	05/12/2013	Ông Mã Thanh Danh được bổ nhiệm - Phó Tổng Giám đốc
6	24/12/2013	Ông Nguyễn Khắc Huy từ nhiệm - COO



GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

STT	HỌ TÊN	QUAN HỆ VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ	SỐ CP SỞ HỮU ĐẦU KỲ		SỐ CP SỞ HỮU CUỐI KỲ		LÝ DO TĂNG/ GIẢM
			SỐ LƯỢNG	%	SỐ LƯỢNG	%	
1	BKD	Công ty con	13.043.112	8,15%	-	0,00%	Thưởng + Bán
2	Bùi Thanh Tùng	Phó TGĐ	135.000	0,00%	73.000	0,04%	Bán
3	Lê Cao Thuận	Trưởng BKS	2.865	0,00%	2.865	0,00%	Thưởng + Bán
4	Lê Cao Tú	Liên quan đến Lê Cao Thuận	3.505	0,00%	505	0,00%	Bán
5	Lương Mỹ Duyên	Thành viên BKS	5.509	0,00%	6.009	0,00%	Thưởng + Bán
6	Mai Xuân Trầm	Phó TGĐ	135.006	0,08%	72.506	0,04%	Bán
7	Nguyễn Thị Oanh	Kế toán trưởng	55.010	0,03%	50.000	0,03%	Bán
8	Trần Lệ Nguyên	Tổng Giám đốc	13.498.668	8,44%	13.858.748	8,35%	Mua
9	Trần Quốc Việt	Phó TGĐ	125.273	0,07%	50.273	0,03%	Bán
10	Trần Thị Thanh Thủy	Liên quan đến Trần Tiến Hoàng	2.006	0,00%	6	0,00%	Bán
11	Vinabico	Công ty con	15.960	0,01%	0	0,00%	Bán
12	Vương Bửu Dinh	Liên quan đến Mã Thanh Danh	208.876	0,13%	205.936	0,13%	Bán + Mua + Thưởng
13	Vương Bửu Ngọc	Liên quan đến Vương Bửu Linh	308.557	0,19%	303.557	0,19%	Bán
14	Vương Ngân Hào	Liên quan đến Vương Ngọc Xiêm	400		3.500	0,00%	Thưởng + Bán
15	Vương Thu Bình	Liên quan đến Vương Bửu Linh	75.000	0,00%	12.500	0,00%	Bán
16	Vương Thu Lệ	Liên quan đến Vương Ngọc Xiêm	2.047	0,00%	9.007	0,00%	Thưởng + Bán

GIAO DỊCH CỦA BÊN LIÊN QUAN

STT	HỌ TÊN	QUAN HỆ VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ	SỐ CP SỞ HỮU ĐẦU KỲ		SỐ CP SỞ HỮU CUỐI KỲ		LÝ DO TĂNG/ GIẢM
			SỐ LƯỢNG	%	SỐ LƯỢNG	%	
1	Vương Bửu Dinh	Mã Thanh Danh	195.936	0,12%	182.996	0,11%	Mua & Bán
2	Trần Thị Thanh Thủy	Trần Tiến Hoàng	2.006	0,00%	6	0,00%	Bán
3	Vương Bửu Ngọc	Vương Bửu Linh	308.557	0,19%	309.557	0,19%	Mua & Bán
4	Vương Ngân Hào	Vương Ngọc Xiêm	2.400	0,00%	5.602	0,00%	Mua & Bán
5	Vương Thu Lệ	Vương Ngọc Xiêm	2.047	0,00%	9.007	0,01%	Mua & Bán
6	Vương Thu Bình	Vương Ngọc Xiêm	-	-	12.500	0,01%	Mua & Bán

ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG DOANH THU
NĂM 2013

+6,4%

SO VỚI NĂM 2012

4.561 TỶ ĐỒNG

TỔNG DOANH THU NĂM 2013

ĐÁNH GIÁ CHUNG

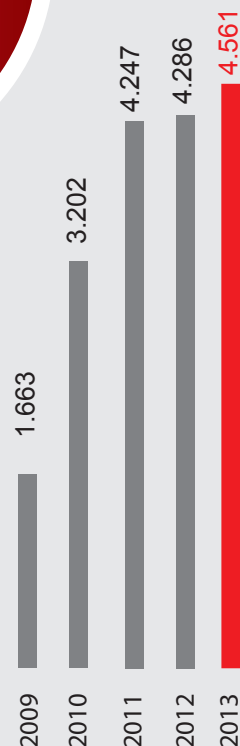
Năm 2013, kinh tế Việt Nam đã dần ổn định nhưng vẫn chưa có dấu hiệu phục hồi rõ rệt. Tổng GDP của Việt Nam trong năm vừa qua đạt tốc độ tăng trưởng là 5,42%, mức lạm phát trung bình là 6,03%. Tỷ giá hối đoái cũng tương đối ổn định với dự trữ đồng USD của chính phủ đang dần tăng lên. Bước sang năm 2014, các rủi ro vẫn còn tiếp tục đó là sự phục hồi chậm của nền kinh tế, nhưng điểm khác biệt là lạm phát được dự đoán sẽ đi trước chu kỳ kinh tế thay vì theo sau sự phục hồi. Như vậy Việt Nam có thể sẽ phải đối mặt với thách thức lạm phát đang được đẩy lên nhanh hơn so với sự phục hồi của nền kinh tế.

Nguyên nhân của vấn đề này vẫn chủ yếu là do các khoản nợ xấu và là hệ quả của việc quản lý rủi ro của hệ thống ngân hàng Việt Nam. Các ngân hàng vẫn có xu hướng thiên về các công ty sản xuất lớn, hạn chế cho vay các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) do lo ngại rủi ro cao. Mặc dù điều này là hỗ trợ tăng trưởng bền vững của công ty nhưng lại hạn chế nhu cầu và tiêu dùng. Từ

đó dẫn đến tình trạng mặc dù nền kinh tế tương đối ổn định và phục hồi nhưng lại không có chất xúc tác rõ ràng cho nhu cầu tiêu dùng và sự phục hồi rõ rệt của nền kinh tế.

Do tác động của xu hướng này nên mặc dù chúng tôi được hưởng mức lãi suất thấp và ưu đãi của các ngân hàng, nhưng các nhà phân phối và nhà bán lẻ của chúng tôi vẫn không thể tiếp cận vốn với lãi suất hợp lý, tạo nên tình hình giảm nợ ở giai đoạn cuối trong chuỗi cung ứng. Kết quả là, nhu cầu vẫn ở mức tương đối vừa phải trong khi các khách hàng không có động cơ hoặc vốn để tăng mức độ hàng tồn kho của họ. Do đó, các nhà phân phối đã tập trung vào việc bán các sản phẩm cốt lõi với mức độ thành công nhất định thay vì chịu rủi ro khi nhận bán các sản phẩm mới. Vì vậy, chúng tôi đã nhận thấy rằng chiến lược phù hợp nhất vẫn là tiếp tục tập trung vào việc cung cấp các sản phẩm chủ lực trong danh mục sản phẩm của công ty.

CHÚNG TÔI ĐÃ CẢI THIẾN MỘT CÁCH HIỆU QUẢ CHẤT LƯỢNG CỦA LỢI NHUẬN VỚI CÁCH TIẾP CẬN CÓ HỆ THỐNG VÀ CHUYÊN NGHIỆP ĐỂ ĐÁNH GIÁ ĐƯỢC MỨC ĐỘ RỦI RO CỦA MỖI KHOẢN ĐẦU TƯ SO VỚI KẾT QUẢ MANG LẠI. QUÁ TRÌNH NÀY BÂY GIỜ ĐÃ ĂN SÂU VÀO VĂN HÓA QUẢN LÝ CỦA BAN LÃNH ĐẠO VÀ KẾT QUẢ LÀ, CHÚNG TÔI ĐÃ VÀ ĐANG NGÀY CÀNG CHỦ ĐỘNG HƠN TRONG VIỆC HIỆN THỰC HÓA NHỮNG MỤC TIÊU VÀ KẾT QUẢ CHÚNG TÔI MONG MUỐN.

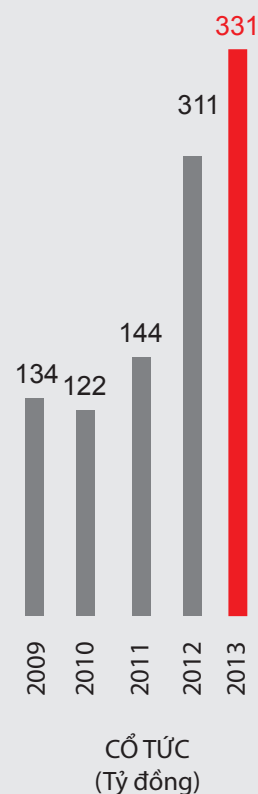


DOANH THU QUA CÁC NĂM
(Tỷ đồng)

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2013

Trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều khó khăn, chúng tôi đã hoàn thành giai đoạn 4 của quá trình tái cấu trúc công ty: Tăng trưởng có lợi nhuận. Tăng trưởng có lợi nhuận được định nghĩa là sự cải thiện về chất lượng của lợi nhuận với việc tập trung vào cải thiện hiệu quả tài sản và tăng trưởng lợi nhuận. Về bản chất, đó là quyết định để cân bằng mức độ rủi ro của mỗi khoản đầu tư với tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận tương ứng. Giai đoạn này đã khá thành công vì chúng tôi đã có thể cân bằng tăng trưởng với lợi nhuận trong năm 2013 và đã đạt lợi nhuận kỷ lục trong năm vừa qua. Chúng tôi đã cải thiện một cách hiệu quả chất lượng của lợi nhuận với cách tiếp cận có hệ thống và chuyên nghiệp để đánh giá được mức độ rủi ro của mỗi khoản đầu tư so với kết quả mang lại. Quá trình này bây giờ đã ăn sâu vào văn hóa quản lý của Ban Lãnh đạo và kết quả là, chúng tôi đã và đang ngày càng chủ động hơn trong việc hiện thực hóa những mục tiêu và kết quả chúng tôi mong muốn.

Năm 2013, tổng doanh thu của công ty tăng 6,4% so với năm 2012. Doanh thu không tăng như kế hoạch nguyên nhân chủ yếu do các yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến thị trường cũng như vấn đề sụt giảm về vốn và mức độ chấp nhận rủi ro tại các kênh phân phối. Như chúng tôi đã đề cập, sản lượng sản xuất được khuyến khích song nhu cầu tiêu dùng không được như mong muốn. Tuy nhiên, điều này đã thay đổi vào nửa sau của năm do nhu cầu bắt đầu tăng tốc và sẽ tiếp tục tăng trong năm 2014.



ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2013 (tiếp theo)

Trong năm qua, giá nguyên vật liệu đầu vào tương đối ổn định dẫn đến biên lợi nhuận gộp của công ty ở mức tương đối ổn định là 43,3% so với 43,6% trong năm 2012. Năm ngoái là năm chuyển tiếp giữa ổn định và phục hồi nên đã không có nhiều áp lực về giá đầu vào. Chúng tôi dự kiến rằng áp lực sẽ tăng nhẹ trong năm 2014 khi chúng ta bước vào một chu kỳ kinh tế mới ở cả Việt Nam và trên thế giới. Điều này sẽ dẫn đến giá đầu vào tăng dần lên khi nhu cầu trở lại. Nếu không có bất kỳ sự kiện, thiên tai nào lớn trên toàn cầu, thì mức độ tăng chi phí sẽ ở mức quản lý được, nhưng dù vậy chúng tôi vẫn dự kiến rằng chi phí nguyên vật liệu sẽ tăng trong năm 2014.

Chi phí bán hàng và marketing tăng 4% so với năm 2012, chủ yếu là do chi phí đột biến của các hoạt động nhân dịp kỷ niệm 20 năm ngày thành lập công ty. Các chi phí này không chỉ dành cho các hoạt động kỷ niệm ngày thành lập mà đã được sử dụng chủ yếu để tổ chức lại hệ thống thương hiệu với thương hiệu Kinh Đô là chủ lực, xuyên suốt các sản phẩm hàng ngày và gia tăng độ nhận diện với các thương hiệu khác. Các chi phí này đã được bù phần nào bởi sự hợp lý trong chi tiêu ở cấp thương hiệu sản phẩm với một số chi phí giảm do sắp xếp lại thương hiệu và các chương trình khuyến mãi của nhiều thương hiệu tiến hành kết hợp trong dịp kỷ niệm 20 năm.

Chi phí tài chính đã giảm đáng kể trong năm ngoái với chi phí lãi vay trung bình giảm từ 8% xuống 6% so với năm 2012; dẫn đến tổng thu nhập tài chính là 39 tỷ đồng trong năm 2013. Chúng tôi tiếp tục kỳ vọng lãi suất sẽ ở mức thấp. Mặc dù vậy, chúng tôi dự đoán mức lãi suất có thể sẽ tăng do lạm phát đã bắt đầu có dấu hiệu leo thang và nhu cầu bắt đầu cải thiện trên toàn

quốc. Chúng tôi hiện sở hữu lượng tiền mặt ròng vì vậy có khả năng sẽ quản lý được các rủi ro này.

Lợi nhuận hoạt động năm 2013 của Công ty đã được cải thiện từ 11,9% lên 13,7%. Kết quả này đã phản ánh những nỗ lực không ngừng của Ban Lãnh đạo trong hai năm qua để cải thiện chất lượng của lợi nhuận. Trong giai đoạn tiếp theo, chúng tôi vẫn sẽ tiếp tục tập trung vào việc nâng cao hiệu quả hoạt động, sử dụng nền tảng hiện tại để tìm kiếm các cơ hội cải tiến lợi nhuận. Chúng tôi vẫn dự kiến sẽ có sự cải tiến vừa phải về lợi nhuận hoạt động nhưng tốc độ cải thiện sẽ thấp hơn so với vài năm qua khi có thay đổi rõ rệt về mặt nền tảng. Những thách thức của môi trường hiện tại vẫn sẽ tồn tại do vốn vẫn chưa tới được hết các nhà phân phối và bán lẻ. Tâm lý người tiêu dùng tiếp tục được ổn định nhưng vẫn ở mức thấp. Thị trường Việt Nam vẫn chưa có được một chất xúc tác mạnh mẽ nên theo nhận định của chúng tôi, năm 2014 vẫn sẽ còn là một năm nhiều thử thách.

Nhìn chung, nền kinh tế đã tương đối ổn định nhưng mới chỉ bắt đầu có được đà phục hồi. Chúng tôi hy vọng rằng điều này sẽ giúp tạo động lực trong việc cải thiện nhu cầu của người tiêu dùng. Ở một khía cạnh khác, chúng tôi cũng nhận thấy rằng khi nhu cầu tiêu dùng được cải thiện, cũng sẽ gia tăng nguy cơ về áp lực lạm phát so với chu kỳ kinh tế trước do giá cả thị trường đã ổn định khá lâu như những gì chúng ta đã thấy trong năm 2013. Mặc dù có những rủi ro nhưng rõ ràng Việt Nam có những cơ hội trong năm nay và chúng tôi đang ở vị thế tốt do đã thực hiện những thay đổi rõ rệt về mặt tổ chức trong hai năm qua để có thể tận dụng những cơ hội này. Thêm vào đó, chúng tôi cũng nhận thức được những rủi ro đó để có thể quản lý chúng một cách hiệu quả.

LỢI NHUẬN HOẠT ĐỘNG NĂM 2013 CỦA CÔNG TY ĐÃ ĐƯỢC CẢI THIỆN TỪ 11,9% LÊN 13,7%. KẾT QUẢ NÀY ĐÃ PHẢN ÁNH NHỮNG NỖ LỰC KHÔNG NGỪNG CỦA BAN LÃNH ĐẠO TRONG HAI NĂM QUA ĐỂ CẢI THIỆN CHẤT LƯỢNG CỦA LỢI NHUẬN.

623 TỶ ĐỒNG
LỢI NHUẬN HOẠT ĐỘNG

TÀI SẢN

Số dư tiền mặt của công ty vẫn tiếp tục ở mức cao và chúng tôi vẫn gia tăng dự trữ để có thể tận dụng tốt các cơ hội tiềm năng tại thị trường Việt Nam và khu vực. Khi điều kiện kinh tế tổng thể được cải thiện, chúng tôi đang nhận thấy một số cơ hội đầu tư tiềm năng mà trước đây quá rủi ro hoặc sự khác biệt về kỳ vọng giá là quá xa để có thể hiện thực hóa.

Ngoài tiền mặt, công ty cũng đã đạt được các cải thiện quan trọng trong công tác quản lý vốn với chu kỳ kinh doanh giảm từ 43 ngày xuống 33 ngày. Điều này đạt được do công ty đã cắt giảm hàng tồn kho và cũng nâng cao hiệu quả về trao đổi thông tin và giám sát mức độ tồn kho trong chuỗi cung ứng thông qua hệ thống quản lý mới dành cho nhà phân phối. Điều này đã làm tăng dòng tiền tự do của công ty lên 707 tỷ đồng. Chúng tôi không kỳ vọng sẽ có thêm những cải tiến đáng kể của mảng này trong những năm tới, nhưng mục tiêu của chúng tôi là sẽ vẫn duy trì hiệu quả ngay cả khi bị ảnh hưởng bởi yếu tố mùa vụ thông qua việc lên kế hoạch tốt và phối hợp hiệu quả giữa các phòng ban.

Tài sản cố định vẫn ở mức tương đối ổn định trong năm vừa qua do công ty không có nhiều dự án mở rộng tài sản. Chúng tôi vẫn tiếp tục ở giai đoạn gia tăng mức độ sử dụng một số dây chuyền sản xuất mới, được chuyển giao vào đầu năm 2013 và hoàn thành lắp đặt vào cuối quý 4 năm 2013. Chúng tôi sẽ có những sản phẩm đầu tiên sản xuất bởi những dây chuyền mới này vào năm 2014, giúp nâng cao chất lượng và độ đa dạng các sản phẩm trong các ngành này. Chúng tôi không đặt kế hoạch mở rộng năng lực sản xuất trong năm nay do công ty vẫn trong giai đoạn tận dụng năng lực hiện có để gia tăng lợi nhuận trước khi đầu tư nhiều hơn vào máy móc mới. Về tổng thể, tỷ lệ lợi nhuận trên tài sản tăng từ mức 6,3% lên 7,7% do công ty đạt lợi nhuận và mức độ ổn định tài sản cao hơn, giúp công ty cải thiện cả về mặt hiệu quả và lợi nhuận.

NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU

Nợ vay của công ty giảm 13 tỷ đồng trong năm 2013. Chúng tôi đã chủ động chuyển các khoản nợ ngắn hạn sang các khoản nợ dài hạn ổn định hơn vào đầu năm 2013 để đáp ứng với điều kiện thị trường trong năm 2011 và 2012. Chúng tôi bắt đầu công cuộc này vào đầu năm 2013 để cơ cấu vốn của công ty ổn định hơn, giúp hạn chế các ảnh hưởng tiêu cực của các biến động thanh khoản của thị trường tiền tệ Việt Nam. Tuy nhiên, chúng tôi tin rằng khả năng những biến động này trở lại là không cao. Trong bối cảnh lãi suất có xu hướng tăng, chúng tôi sẽ ưu tiên cho các khoản vay dài hạn thay vì sẽ luân chuyển quay vòng các khoản vay ngắn hạn. Chúng tôi tiếp tục duy trì một số khoản nợ vay ngắn hạn để tài trợ vốn lưu động do chu kỳ hoạt động của công ty có tính mùa vụ. Tỷ lệ nợ vay được công ty quản lý trong giới hạn rất nghiêm ngặt với tỷ lệ tổng nợ trên vốn chủ sở hữu luôn thấp hơn so với mục tiêu của chúng tôi là 0,50x và tỷ lệ nợ vay trên vốn chủ sở hữu luôn thấp hơn. 20x xuyên suốt cả năm.

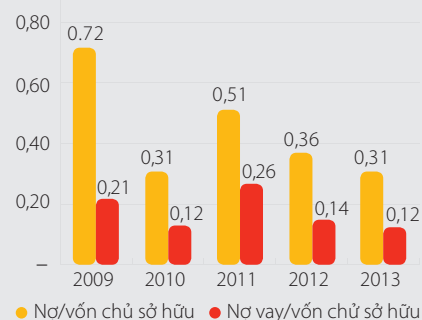
7,7%

TỶ LỆ LỢI NHUẬN
TRÊN TÀI SẢN

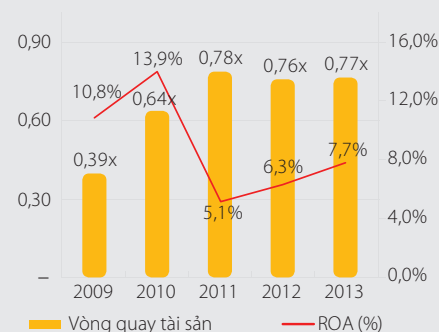
707 TỶ ĐỒNG

DÒNG TIỀN TỰ DO

Tỷ lệ nợ



Hiệu quả hoạt động/tài sản



ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)



CÔNG TY TIẾP TỤC ĐƯỢC QUẢN LÝ DỰA TRÊN NỀN TẢNG ĐƠN VỊ KINH DOANH CHIẾN LƯỢC (SBU) VỚI MỘT SỐ CHỨC NĂNG CHÍNH CHUNG ĐƯỢC CHIA SẺ VỚI NHAU. TRONG NĂM VỪA QUA, CÔNG TY ĐÃ CÓ SỰ THAY ĐỔI ĐÁNG KỂ VỀ MẶT QUẢN LÝ THÔNG QUA VIỆC THIẾT LẬP ỦY BAN QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH (EMC) CHỊU TRÁCH NHIỆM TRỰC TIẾP ĐỐI VỚI MỘT SỐ CHỨC NĂNG CHỦ CHỐT VÀ CÁC MẢNG HOẠT ĐỘNG CHIẾN LƯỢC CỦA CÔNG TY, GIÚP QUẢN LÝ MỨC ĐỘ PHỨC TẠP VÀ QUY MÔ NGÀY Càng LỚN CỦA TOÀN BỘ TỔ CHỨC. ”

CÁC THAY ĐỔI VỀ MẶT NHÂN SỰ CAO CẤP VÀ CHÍNH SÁCH

Công ty tiếp tục được quản lý dựa trên nền tảng đơn vị kinh doanh chiến lược (SBU) với một số chức năng chính chung được chia sẻ với nhau. Trong năm vừa qua, công ty đã có sự thay đổi đáng kể về mặt quản lý thông qua việc thiết lập Ủy ban Quản lý Điều hành (EMC) chịu trách nhiệm trực tiếp đối với một số chức năng chủ chốt và các mảng hoạt động chiến lược của công ty. Bằng cách giao trách nhiệm trực tiếp và thiết lập Ủy ban Quản lý Điều hành, chúng tôi đã có thể quản lý mức độ phức tạp và quy mô ngày càng lớn của toàn bộ tổ chức.

TÁI CẤU TRÚC THƯƠNG HIỆU

Quá trình tái cấu trúc hệ thống thương hiệu đã được hoàn thành trong năm 2013 và chúng tôi cũng đã tạo ra mối liên kết thành công giữa các nhãn hiệu sản phẩm với thương hiệu công ty thông qua chiến dịch kỷ niệm 20 năm ngày thành lập với thông điệp: “Kinh Đô 20 năm vị hạnh phúc lên ngôi”. Kết quả công cuộc này là thông điệp rõ ràng về vị trí của các nhãn hiệu bao gồm:

- Kinh Đô đại diện nhóm sản phẩm Thân tình ngày lễ
- COSY, AFC, Solite, Slide, Korento đại diện nhóm sản phẩm Món Nhẹ Ăn Vui
- Bánh mì tươi Kinh Đô đại diện nhóm sản phẩm Món ngon Kinh Đô
- Celano, Merino, Wel Yo, Wel Cream đại diện nhóm Sản phẩm từ Sữa.

Một trong những bước ngoặt quan trọng trong năm vừa qua là việc chúng tôi thiết lập lại các hoạt động Marketing, hệ thống thương hiệu được đặt dưới sự quản lý trực tiếp của các Giám đốc Ngành hàng Chiến lược (SBU), qua đó giúp kết nối về chiến lược phát triển ngành hàng, những hoạch định kinh doanh thị trường cũng được phối hợp triển khai nhịp nhàng, đồng bộ và có chiều sâu hơn. Chúng tôi cũng thành lập bộ phận Media để sử dụng hiệu quả ngân sách truyền thông của các nhãn hàng. Các hoạt động Activation của các nhãn hàng cũng được tích hợp để tiết giảm chi phí và mang tính phối hợp với các nhãn hiệu nhiều hơn. Trong năm 2013, các số liệu Retail Audit, Brand Health Check từ bộ phận CMI cũng giúp chúng tôi có được những thông tin, số liệu cụ thể để hoạch định các hoạt động nhãn hàng một cách phù hợp và hiệu quả nhất. Chúng tôi cũng đẩy mạnh việc đa dạng hóa sản phẩm thông qua việc tung hàng loạt sản phẩm mới phục vụ thị trường như: AFC ngũ cốc nguyên hạt, bánh mì tươi Kinh Đô, các dòng sản phẩm mới phục vụ thưởng thức, biếu tặng trong dịp Trung Thu như bánh Xanh, bánh Mochi... và đa dạng các sản phẩm phục vụ Tết cho người tiêu dùng.

Quá trình tái cấu trúc thương hiệu trong thời gian qua cũng bao gồm việc tổ chức lại hệ thống thương hiệu với quy mô lớn hơn cho những nhãn hiệu chủ lực như COSY, bánh mì tươi Kinh Đô... Nhãn hàng Cosy vừa là sản phẩm ngày thường, vừa là sản phẩm Tết. Bộ sản phẩm Cosy Tết được quy hoạch trong các năm qua đã thâm nhập thị trường rất tốt. Công ty cũng tạo dấu ấn thương hiệu qua các hoạt động truyền thông Trung thu và Tết. Xét riêng các hoạt động, Cosy, Trung thu và Tết đã đóng góp rất tốt về mặt kinh doanh. Nhìn chung, quá trình tái cấu trúc thương hiệu trong thời gian qua không chỉ tạo sức

bật mới cho các nhãn hàng mà còn tạo hiệu quả về mặt tài chính đối với chi phí quảng cáo và chương trình khuyến mãi. Mặc dù sẽ không có sự sụt giảm mạnh, nhưng việc sử dụng chi phí sẽ hiệu quả hơn và có ảnh hưởng lớn hơn, phù hợp với mục tiêu của công ty là sẽ có những thay đổi đáng kể để cải thiện về tỷ suất lợi nhuận.

Cuối năm 2013, chúng tôi cũng đã hoàn thành thành công việc chuyển đổi và tích hợp nền tảng

hoạt động của công ty, tạo tiền đề vững chắc để duy trì và hỗ trợ sự tăng trưởng trong tương lai. Đội ngũ quản lý đã cố gắng để thiết lập và hoàn chỉnh nền tảng này trong vòng bốn năm qua với hàng ngàn giờ tập trung tinh giản cũng như sắp xếp các quy trình thủ tục để liên kết toàn bộ tổ chức lại với nhau. Trong chặng đường phía trước, chúng tôi sẽ tận dụng thành quả này để tăng tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận thông qua cả các cơ hội hữu cơ hoặc vô cơ.



ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)



“ CHÚNG TÔI QUẢN LÝ RỦI RO NÀY VỚI CÁC ĐIỀU KIỆN RẤT NGHIÊM NGẶT, BAO GỒM KỲ HẠN VÀ GIÁ CỐ ĐỊNH ĐỂ GIẢM THIỂU NHỮNG ẢNH HƯỞNG BIẾN ĐỘNG NGẮN HẠN, TẠO TIỀN ĐỀ CUNG CẤP KHẢ NĂNG DỰ ĐOÁN VỀ CHI PHÍ ĐẦU VÀO. CHÚNG TÔI CŨNG LÀM VIỆC CHẶT CHẼ VỚI CÁC NHÀ CUNG CẤP ĐỂ CUNG CẤP CHO HỌ MỘT CÁI NHÌN MINH BẠCH, RÕ RÀNG VỀ NHU CẦU CỦA CÔNG TY GIÚP HỌ CŨNG CÓ THỂ QUẢN LÝ NGUY CƠ RỦI RO VỀ GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU. ”

CÁC YẾU TỐ RỦI RO

Chúng tôi nhận thấy rằng rủi ro về giá nguyên vật liệu tiếp tục là yếu tố rủi ro chính, có khả năng ảnh hưởng lớn nhất đến tình hình hoạt động kinh doanh của công ty. Rủi ro này bao gồm cả biến động về giá của các hàng hóa cơ bản nhẹ như lúa mì, đường, dầu ăn và sữa. Chúng tôi tiếp tục thận trọng trong cách tiếp cận, giám sát và quản lý những rủi ro này, nhưng thị trường tiếp tục có nhiều biến động và chịu ảnh hưởng nhiều bởi các yếu tố cung và cầu toàn cầu.

Chúng tôi quản lý rủi ro này với các điều kiện rất nghiêm ngặt, bao gồm kỳ hạn và giá cố định để giảm thiểu những ảnh hưởng biến động ngắn hạn, tạo tiền để cung cấp khả năng dự đoán về chi phí đầu vào. Chúng tôi cũng làm việc chặt chẽ với các nhà cung cấp để cung cấp cho họ một cái nhìn minh bạch, rõ ràng về nhu cầu của công ty giúp họ cũng có thể quản lý nguy cơ rủi ro về giá nguyên vật liệu.

Rủi ro về tỷ giá cũng tiếp tục là một rủi ro chính, do một phần lớn nguyên liệu đầu vào của chúng tôi được nhập khẩu hoặc mua trực tiếp bởi công

ty hoặc bởi các nhà cung cấp của chúng tôi. Hiện nay, chúng tôi chủ động hạn chế rủi ro này bằng cách tìm các nguồn cung ứng nội địa tối đa để bù đắp cho rủi ro tỷ giá. Tuy nhiên, do Việt Nam vẫn phải nhập khẩu phần lớn nguyên liệu đầu vào nên chúng tôi vẫn bị ảnh hưởng gián tiếp. Chúng tôi cũng có lượng xuất khẩu mạnh giúp tạo ra nguồn lực để hạn chế rủi ro một cách tự nhiên. Đối với những rủi ro gián tiếp, chúng tôi làm việc chặt chẽ với các nhà cung cấp để quản lý những rủi ro này bằng cách sử dụng các hợp đồng có kỳ hạn và giá cố định.



ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

“MỘT PHẦN CHIẾN LƯỢC MỚI CỦA CÔNG TY ĐỂ ĐẦU TƯ VÀO TƯƠNG LAI LÀ CHÚNG TÔI SẼ TÌM KIẾM KỸ HƠN CÁC CƠ HỘI ĐẦU TƯ PHÙ HỢP VỚI CHIẾN LƯỢC **FOOD & FLAVOR** BẰNG CÁCH TẬN DỤNG NỀN TẢNG CỦA CÔNG TY.”

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch phát triển trong tương lai của công ty sẽ bao gồm việc tập trung triển khai những cải tiến để tiếp tục gia tăng hiệu quả của các ngành kinh doanh hiện tại. Những cải tiến này là triết lý hoạt động của công ty với mục tiêu là không ngừng cải thiện hoạt động và phương thức hoạt động của công ty để đáp ứng những thay đổi năng động của thị trường. Ngoài ra, chiến lược sản phẩm mà chúng tôi theo đuổi từ năm trước bao gồm việc cải thiện cả về mặt số lượng và chất lượng cũng sẽ được tiếp tục. Điều này sẽ bao gồm việc đầu tư trong tương lai để cải thiện chất lượng, hiệu quả và sự đa dạng của sản phẩm. Chi phí đầu tư trong năm 2014 sẽ nhỏ vì chúng tôi vẫn đang trong giai đoạn tối đa hóa các dây chuyền sản xuất được mua vào cuối năm 2012. Tuy nhiên, chúng tôi dự kiến sẽ đầu tư một số dây chuyền trong năm 2015 và những năm kế tiếp.

Một phần chiến lược mới của công ty để đầu tư vào tương lai là chúng tôi sẽ tìm kiếm kỹ hơn nữa các cơ hội đầu tư phù hợp với chiến lược Food & Flavor bằng cách tận dụng nền tảng của công ty. Chúng tôi đang mở rộng phạm vi tìm kiếm, bao gồm một số cơ hội mới, có thể tạo thêm giá trị ngay lập tức cũng như trong tương lai cho doanh nghiệp.





**MỤC TIÊU
TÀI CHÍNH NĂM 2014**

5.150

(TỶ ĐỒNG)
TỔNG DOANH THU NĂM 2014

660

(TỶ ĐỒNG)
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
NĂM 2014



NHÂN SỰ

“ BẰNG CHÍNH CHIẾN LƯỢC QUẢN TRỊ NHÂN SỰ HỢP LÝ, CHÍNH SÁCH ĐÃ NGỘ TỐT, CẠNH TRANH VÀ HẤP DẪN, KINH ĐÔ ĐÃ XÂY DỰNG ĐƯỢC MỘT ĐỘI NGŨ NHÂN TÀI CÓ TẦM NHÌN, CÓ NHIỆT HUYẾT, HỌ LÀ NGƯỜI CÓ NHIỀU KINH NGHIỆM, CÓ KIẾN THỨC VỀ NGÀNH HÀNG, ĐẢM BẢO CHO CHIẾN LƯỢC TĂNG TRƯỞNG CỦA KINH ĐÔ. ”



Song hành với chiến lược phát triển kinh doanh, Công ty Kinh Đô đặc biệt chú trọng vào yếu tố con người trong chiến lược phát triển toàn diện và bền vững của Công ty. Trong suốt 20 năm qua, Nguồn nhân lực chính là tài sản quan trọng nhất của Kinh Đô, đó là sự kết hợp của những con người khác nhau, sự đa dạng về văn hóa và sự dày dặn kinh nghiệm trong ngành. Bằng chính chiến lược quản trị nhân sự hợp lý, chính sách đãi ngộ tốt, cạnh tranh và hấp dẫn, Kinh Đô đã xây dựng được một đội ngũ nhân tài có tầm nhìn, có nhiệt huyết, có nhiều kinh nghiệm, có kiến thức về ngành hàng, đảm bảo cho chiến lược tăng trưởng của Kinh Đô.



KINH ĐÔ LUÔN HƯỚNG ĐẾN CHIẾN LƯỢC XÂY DỰNG VÀ ĐÀO TẠO ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN CHUYÊN NGHIỆP

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Có một triết lý mang tính nền tảng cho quá trình quản lý và phát triển nguồn nhân sự là “Nếu con người là tài nguyên quý nhất của một quốc gia thì CON NGƯỜI PHÙ HỢP mới là tài sản quý nhất của một doanh nghiệp”. Để mở rộng nguồn nhân lực cho sự phát triển tương lai, Kinh Đô đã và đang tiếp tục tìm kiếm và phát triển nhân tài trong nội bộ và cả bên ngoài trở thành những con người có năng lực cạnh tranh nhất trên thị trường lao động và là tài sản vô giá mà Công ty đang sở hữu. Điều đó được thực hiện qua các mục tiêu:

- Đáp ứng nhu cầu nhân sự theo chiến lược phát triển của Công ty trong từng thời kỳ.
- Khai thác tối đa nguồn lực con người để tạo ra hiệu quả công việc tối ưu cho tổ chức.
- Luôn chú trọng đầu tư vào đào tạo và phát triển nhân tài.
- Luôn cải thiện các mối quan hệ lao động.
- Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp.

Tại Kinh Đô, chúng tôi luôn tạo điều kiện để CBCNV trau dồi và nâng cao năng lực chuyên môn nhằm phát huy hết tính sáng tạo, tính năng động, tính tiên phong cùng với lòng nhiệt huyết yêu nghề của họ. Chúng tôi đánh giá cao năng lực, thái độ và khả năng cống hiến của đội ngũ nhân sự. Chính sự tăng trưởng liên tục trong kinh doanh đã giúp Kinh Đô đủ điều kiện đảm bảo các chính sách lương & đãi ngộ hấp dẫn cạnh tranh thu hút được nhiều nhân tài. Triết lý của Kinh Đô là thu hút nhân tài giỏi nhất bằng cách là Công ty tốt nhất.

HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI NĂM 2013



“ HAI MƯƠI NĂM VỚI NHỮNG PHÁT TRIỂN VƯỢT BẬC,
KINH ĐÔ ĐÃ TRỞ THÀNH THƯƠNG HIỆU GẮN LIỀN
CÙNG CHẤT LƯỢNG VÀ NHỮNG GIÁ TRỊ NHÂN VĂN. ”

Hai mươi năm với những phát triển vượt bậc, Kinh Đô đã trở thành thương hiệu gắn liền cùng chất lượng và những giá trị nhân văn. Chúng tôi hiểu rằng, để đạt được những thành công đó, bên cạnh việc thực hiện tốt các chiến lược và kế hoạch kinh doanh đúng đắn thì một trong những yếu tố quan trọng là sự yêu mến, ủng hộ của người tiêu dùng đối với sản phẩm, thương

hiệu Kinh Đô. Chính vì thế, Kinh Đô không ngừng nỗ lực đáp lại những cảm tình quý giá đó bằng việc thực hiện trách nhiệm của Doanh Nghiệp với cộng đồng thông qua những chương trình thiết thực và ý nghĩa. Cam kết trách nhiệm của doanh nghiệp được Kinh Đô thực hiện trên tất cả các lĩnh vực: sản xuất, phát triển sản phẩm, chăm lo cho cộng đồng và được Tập đoàn





tài trợ ca mổ mắt thứ
400.000

1.500
thẻ Bảo hiểm Y Tế

đặc biệt quan tâm, duy trì xuyên suốt quá trình hoạt động. “Vị hạnh phúc” mà Kinh Đô mang đến không chỉ là các sản phẩm chất lượng cao, được người tiêu dùng ưa chuộng mà còn lan tỏa qua hoạt động chia sẻ cùng cộng đồng.

Nhiều năm qua, hình ảnh Kinh Đô gắn liền với các hoạt động phong phú dành cho học sinh - sinh viên qua việc ủng hộ các quỹ học bổng, các cuộc thi dành cho sinh viên. Chương trình tham quan nhà máy dành cho các bạn sinh viên và chương trình “Quản trị viên tập sự” mà Kinh Đô đang triển khai tạo điều kiện lý tưởng cho các bạn trẻ được trải nghiệm và học hỏi những kinh nghiệm thực tế đáng giá.

Đồng hành cùng Mặt trận Tổ quốc, Hội Bảo trợ Bệnh nhân nghèo, Hội Chữ thập đỏ và các tổ chức xã hội khác, Kinh Đô mang niềm vui cho hàng ngàn trẻ em khó khăn, các hộ gia đình nghèo trên cả nước trong các dịp Lễ, Tết bằng những chuyến thăm, trao tặng những phần quà ý nghĩa. Một số chương trình tiêu biểu trong năm qua:

- Phối hợp cùng Hội Bảo trợ Bệnh nhân nghèo tài trợ ca mổ mắt thứ 400.000 cho các bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn.
- Phối hợp cùng Hội Bảo trợ Bệnh nhân nghèo trao tặng gần 1.500 thẻ Bảo hiểm Y tế cho người nghèo trên địa bàn TP.HCM.
- Dành 1,8 tỷ đồng cho hoạt động chăm lo Tết cho người nghèo: tặng vé xe cho thanh niên công nhân; phối hợp cùng UBMTTQ TP.HCM thăm và tặng quà cho trẻ em và các gia đình khó khăn vui đón Xuân Quý Tỵ 2013.
- Trao tặng 8.000 phần quà trị giá 750 triệu đồng cho trẻ em nghèo vui đón Tết Trung thu 2013.
- Trao tặng 2,5 tỷ đồng cho các tổ chức xã hội: Quỹ bảo trợ trẻ em Việt Nam, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc TP.HCM, Hội Bảo trợ Bệnh nhân nghèo TP.HCM nhân kỷ niệm 20 năm thành lập Kinh Đô...

Thông qua các hoạt động xã hội ý nghĩa đã tạo nên hình ảnh đẹp cũng như niềm tin yêu, ủng hộ của cộng đồng đối với thương hiệu Kinh Đô.



AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG



“LÀ TẬP ĐOÀN THỰC PHẨM, KINH ĐÔ KHÔNG CHỈ TUÂN THỦ NGHIÊM NGẶT TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM MÀ CHÚNG TÔI LUÔN Ý THỨC VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG BẰNG NHỮNG HÀNH ĐỘNG CỤ THỂ, THIẾT THỰC VÀ TOÀN DIỆN XUYẾN SUỐT QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG, PHÁT TRIỂN VÀ THỐNG NHẤT TRÊN TOÀN HỆ THỐNG NHÀ MÁY CỦA TẬP ĐOÀN (BAO GỒM NHÀ MÁY KINH ĐÔ BÌNH DƯƠNG, NHÀ MÁY KINH ĐÔ MIỀN BẮC, NHÀ MÁY KI DO).

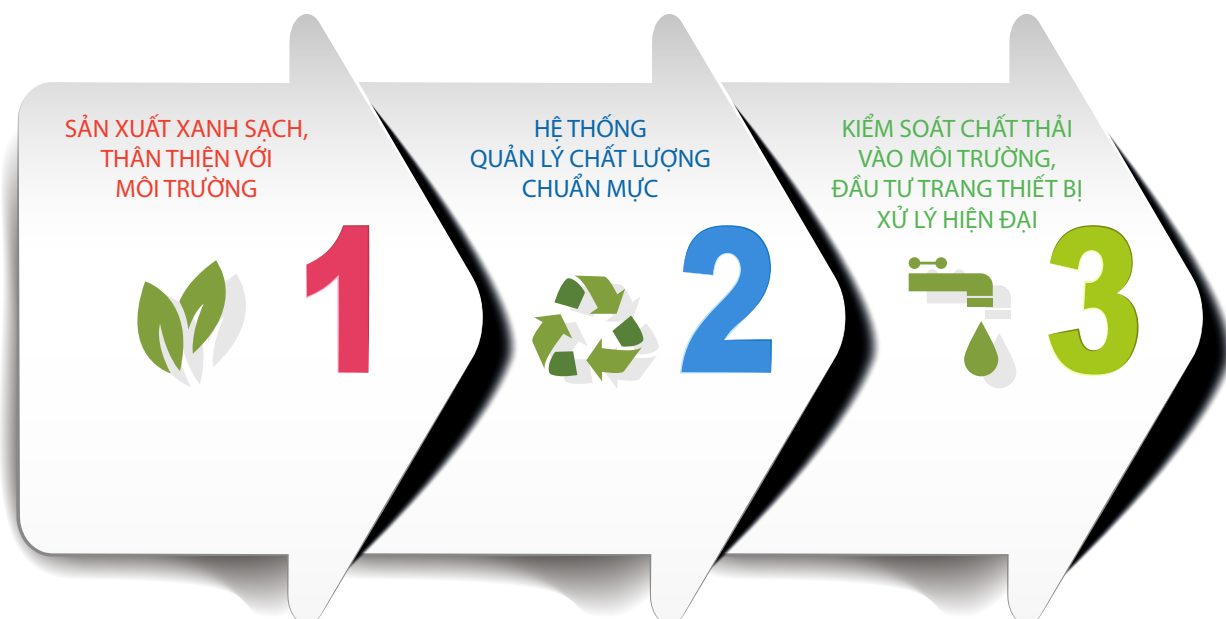
- Sản xuất xanh sạch, thân thiện với môi trường.
- Hệ thống quản lý chất lượng chuẩn mực.
- Kiểm soát chất thải vào môi trường, đầu tư trang thiết bị xử lý hiện đại.



SẢN XUẤT XANH SẠCH, THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG

Luôn chú trọng đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm trong từng sản phẩm, chúng tôi cũng đặc biệt ý thức và thực hiện nghiêm ngặt tiêu chí sản xuất xanh sạch, thân thiện với môi trường với tinh thần phát triển và kinh doanh các sản phẩm dinh dưỡng, tốt cho sức khỏe người tiêu dùng và không gây tác động xấu đến môi trường sống. Trong quá trình sản xuất, Kinh Đô luôn chọn và sử dụng nguồn nguyên liệu có chất lượng tốt nhất, đảm bảo nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và được chọn lọc kỹ càng từ những nhà cung cấp uy tín. Hơn nữa, chúng tôi đặc biệt chú trọng nghiên cứu phát triển sản phẩm mới mang tính sáng tạo và liên tục cải tiến, đáp ứng xu hướng thưởng thức của người tiêu dùng không chỉ bằng chất lượng thơm ngon mà còn giàu dinh dưỡng và tốt cho sức khỏe.

VỚI MÔ HÌNH NHÀ MÁY HIỆN ĐẠI, MỌI SẢN PHẨM CỦA TẬP ĐOÀN ĐƯỢC SẢN XUẤT TỰ ĐỘNG, ĐÁP ỨNG NHỮNG TIÊU CHUẨN KHẮT KHE NHẤT VỀ CHẤT LƯỢNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG.



HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CHUẨN MỰC

Hệ thống nhà máy của Tập đoàn Kinh Đô được đầu tư hệ thống dây chuyền sản xuất hiện đại khép kín thuộc dạng tiên tiến nhất trên thế giới theo công nghệ Châu Âu (Italia, Hà Lan, Đan Mạch). Chúng tôi đã áp dụng các quy trình quản lý chất lượng chuẩn mực vào sản xuất như:

- Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 do tổ chức Bureau Veritas Certification đánh giá và chứng nhận.
- Hệ thống quản lý An toàn Vệ sinh Thực phẩm ISO 22.000:2005 do tổ chức SGS đánh giá và chứng nhận.
- Hệ thống kiểm soát mối nguy trong sản xuất - HACCP.
- Hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14001:2004.
- Hệ thống quản lý An toàn Sức khỏe Nghề nghiệp OHSAS 18001:2007.
- Hệ thống thực hành sản xuất tốt GMP (Good Manufacturing Practice).
- Hệ thống quản lý chất lượng toàn diện TQM (Total Quality Management).
- Thực hiện chương trình 5S và TPM (Total Productive Maintenance).

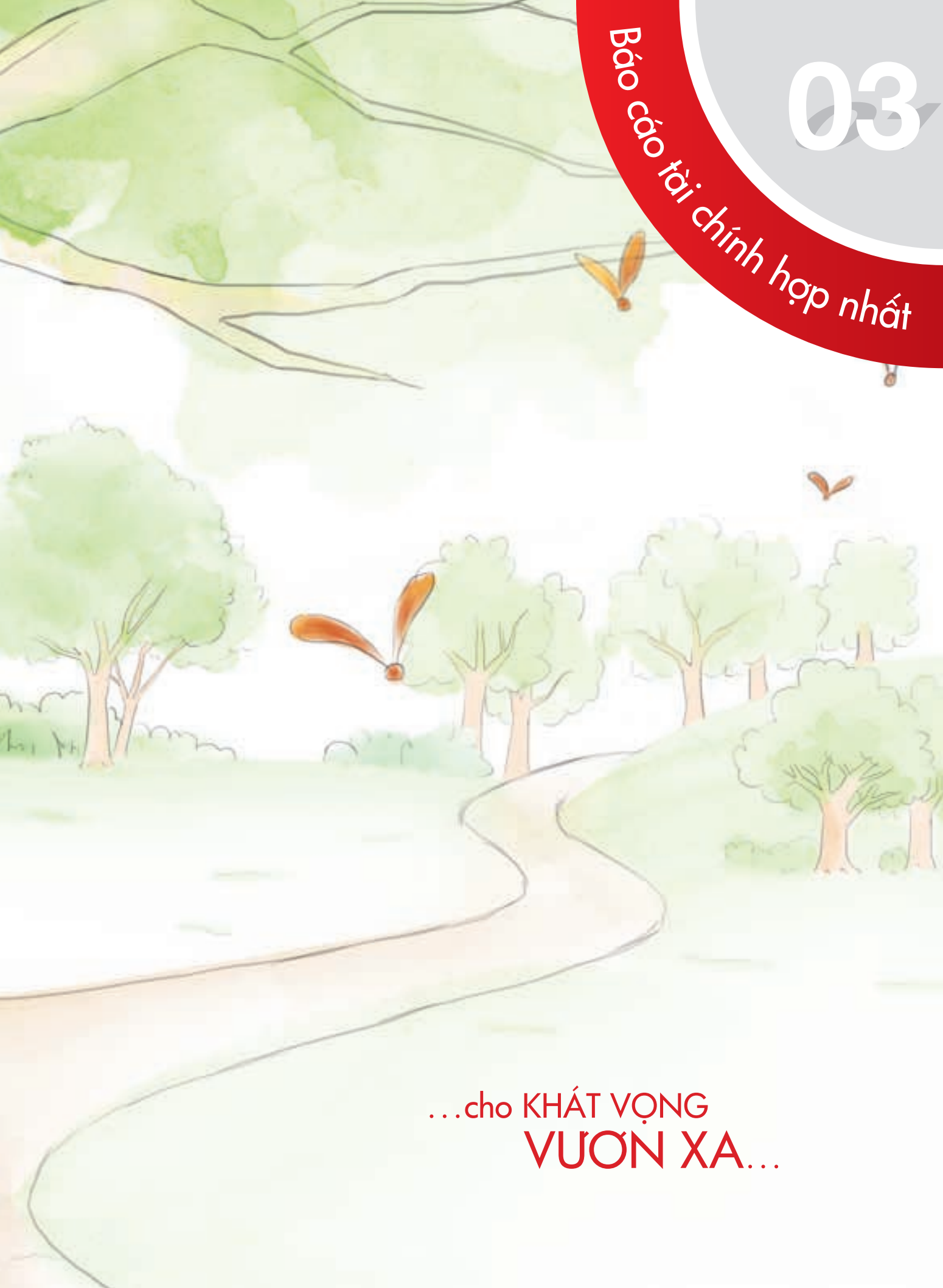
Với mô hình nhà máy hiện đại, mọi sản phẩm của Tập đoàn được sản xuất tự động, đáp ứng những tiêu chuẩn khắt khe nhất về chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm cho người tiêu dùng.

KIỂM SOÁT CHẤT THẢI VÀO MÔI TRƯỜNG, ĐẦU TƯ TRANG THIẾT BỊ XỬ LÝ HIỆN ĐẠI

Kinh Đô nhận diện và đảm bảo áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp đối với tất cả các hình thái chất thải vào môi trường phát sinh trong quá trình sản xuất. Công ty trang bị hệ thống xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường và liên tục cải tiến ứng dụng các giải pháp tiết kiệm năng lượng, hợp lý hóa trong các dây chuyền sản xuất, để đảm bảo giảm thiểu tối đa các tác động đến môi trường. Hệ thống nhà máy áp dụng nhiều chương trình thiết thực trong sản xuất như: Thực hiện Sản xuất Sạch hơn; Thực hiện Kiểm toán Năng lượng; Tập huấn ứng phó các sự cố gây ảnh hưởng môi trường; Thực hiện đo kiểm môi trường đúng quy định; Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường... Tổ chức đào tạo, huấn luyện định kỳ cho cán bộ công nhân viên cũng như xây dựng ý thức bảo vệ môi trường từ lãnh đạo tới người lao động. Hệ thống nhà máy tuân thủ thực hiện đầy đủ các quy định của cơ quan chức năng, xây dựng môi trường làm việc thân thiện môi trường. Với nền tảng đó, hệ thống nhà máy Kinh Đô luôn được đánh giá cao về quy mô công nghệ cũng như việc tuân thủ các biện pháp bảo vệ môi trường. Đặc biệt, nhiều năm liền, nhà máy KI DO được Thành phố trao tặng giải thưởng “Doanh nghiệp Xanh” nhằm tôn vinh thành tích có nhiều hành động thiết thực trong công tác bảo vệ môi trường, đồng thời có những động thái tích cực hỗ trợ cộng đồng cùng nâng cao nhận thức, cải thiện chất lượng môi trường sống.

KINH ĐÔ NHẬN DIỆN VÀ ĐẢM BẢO ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ PHÙ HỢP ĐỐI VỚI TẤT CẢ CÁC HÌNH THÁI CHẤT THẢI VÀO MÔI TRƯỜNG PHÁT SINH TRONG QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT. TỔ CHỨC ĐÀO TẠO, XÂY DỰNG Ý THỨC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỪ LÃNH ĐẠO TỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG.





...cho KHÁT VỌNG
VƯỜN XA...

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kinh Đô ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 9 năm 2002 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đây:

GCNĐKKD điều chỉnh:

Ngày:

Số 4103001184

Điều chỉnh lần thứ nhất	26 tháng 11 năm 2002
Điều chỉnh lần thứ hai	22 tháng 9 năm 2003
Điều chỉnh lần thứ ba	11 tháng 12 năm 2003
Điều chỉnh lần thứ tư	3 tháng 8 năm 2004
Điều chỉnh lần thứ năm	7 tháng 10 năm 2004
Điều chỉnh lần thứ sáu	11 tháng 5 năm 2005
Điều chỉnh lần thứ bảy	18 tháng 5 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ tám	6 tháng 7 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ chín	6 tháng 11 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ mười	10 tháng 10 năm 2008

Số 0302705302

Điều chỉnh lần thứ mười một	21 tháng 1 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười hai	1 tháng 11 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười ba	26 tháng 3 năm 2011
Điều chỉnh lần thứ mười bốn	2 tháng 3 năm 2012
Điều chỉnh lần thứ mười lăm	23 tháng 11 năm 2012
Điều chỉnh lần thứ mười sáu	21 tháng 3 năm 2013
Điều chỉnh lần thứ mười bảy	2 tháng 4 năm 2013
Điều chỉnh lần thứ mười tám	18 tháng 11 năm 2013

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 39/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 11 năm 2005.

Hoạt động chính của Công ty là chế biến nông sản thực phẩm; sản xuất kẹo, nước tinh khiết và nước ép trái cây; và mua bán nông sản thực phẩm, công nghệ phẩm và vải sợi.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Kim Thành	Chủ tịch	
Ông Trần Lệ Nguyên	Phó Chủ tịch	
Ông Wang Ching Hua	Thành viên	
Bà Vương Bửu Linh	Thành viên	
Bà Vương Ngọc Xiêm	Thành viên	
Ông Trần Quốc Nguyên	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Thuận	Thành viên	
Ông Nguyễn Gia Huy Chương	Thành viên	bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Đức Trí	Thành viên	bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2013
Ông Cô Gia Thọ	Thành viên	từ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2013
Ông Mã Thanh Danh	Thành viên	từ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2013

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Cao Thuận	Trưởng ban
Bà Lương Mỹ Duyên	Thành viên
Ông Võ Long Nguyên	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Lệ Nguyên	Tổng Giám đốc	
Bà Vương Bửu Linh	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Vương Ngọc Xiêm	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Wang Ching Hua	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Xuân Luân	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Mai Xuân Trầm	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Quốc Nguyên	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Tiến Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Kelly Yin Hon Wong	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Mã Thanh Danh	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 5 tháng 12 năm 2013
Ông Foo Woh Seng	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2013
Ông Lê Anh Quân	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 25 tháng 9 năm 2013
Ông Nguyễn Khắc Huy	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2013

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Kim Thành.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh Đô ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- » lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- » thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- » nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- » lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Trần Lệ Nguyên
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2014

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Kinh Đô

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Kinh Đô và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 26 tháng 3 năm 2014 và được trình bày từ trang 72 đến trang 121, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Dương Lê Anthony
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
số: 2223-2013-004-1

Hàng Nhật Quang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
số: 1772-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

B01-DN/HN

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.208.951.948.303	2.289.382.509.434
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	1.958.064.548.124	829.459.259.294
111	1. Tiền		287.064.548.124	215.149.047.387
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.671.000.000.000	614.310.211.907
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	13.2	39.479.723.350	237.482.984.125
121	1. Đầu tư ngắn hạn		48.576.276.394	274.454.915.888
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(9.096.553.044)	(36.971.931.763)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	859.893.313.934	882.114.197.701
131	1. Phải thu khách hàng		188.931.745.641	180.529.903.420
132	2. Trả trước cho người bán		70.757.652.186	196.058.013.223
135	3. Các khoản phải thu khác		603.491.045.600	507.157.423.689
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(3.287.129.493)	(1.631.142.631)
140	IV. Hàng tồn kho	7	303.697.604.128	316.605.949.009
141	1. Hàng tồn kho		317.614.040.657	323.945.751.898
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(13.916.436.529)	(7.339.802.889)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		47.816.758.767	23.720.119.305
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		14.434.824.512	17.310.449.270
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		5.679.645.734	73.411.292
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	8	17.515.321.638	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		10.186.966.883	6.336.258.743
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.169.293.630.695	3.225.321.952.576
218	I. Phải thu dài hạn khác		-	299.618.517
220	II. Tài sản cố định		1.371.191.674.104	1.451.929.592.575
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	919.281.789.101	941.976.539.062
222	Nguyên giá		1.755.145.801.018	1.689.567.812.006
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(835.864.011.917)	(747.591.272.944)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	326.200.228.842	412.023.311.045
228	Nguyên giá		429.548.357.289	492.810.355.420
229	Giá trị khấu trừ lũy kế		(103.348.128.447)	(80.787.044.375)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	125.709.656.161	97.929.742.468
240	III. Bất động sản đầu tư	12	21.444.908.571	24.018.297.599
241	Nguyên giá		34.524.970.816	34.524.970.816
242	Giá trị khấu hao lũy kế		(13.080.062.245)	(10.506.673.217)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		1.272.100.000.000	1.271.100.000.000
252	1. Đầu tư vào các công ty liên kết và liên doanh đồng kiểm soát	13.1	1.257.100.000.000	1.256.100.000.000
258	2. Đầu tư dài hạn khác	13.3	15.000.000.000	15.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		178.234.881.999	128.053.492.580
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	124.374.000.279	79.707.784.012
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.3	40.647.012.600	47.795.925.568
268	3. Tài sản dài hạn khác		13.213.869.120	549.783.000
269	VI. Lợi thế thương mại	4	326.322.166.021	349.920.951.305
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		6.378.245.578.998	5.514.704.462.010

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		1.495.030.377.728	1.469.330.630.943
310	I. Nợ ngắn hạn		1.265.590.486.146	1.353.059.965.053
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	15	400.939.212.302	529.559.033.303
312	2. Phải trả người bán	16	283.772.381.108	274.618.256.546
313	3. Người mua trả tiền trước	17	34.950.728.208	37.628.753.830
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	81.827.122.663	102.723.109.885
315	5. Phải trả người lao động		58.642.156.537	48.828.794.770
316	6. Chi phí phải trả	19	230.109.039.925	194.023.168.467
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	20	122.357.506.054	121.494.113.721
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		52.992.339.349	44.184.734.531
330	II. Nợ dài hạn		229.439.891.582	116.270.665.890
333	1. Phải trả dài hạn khác		60.554.121.882	63.637.569.390
334	2. Vay và nợ dài hạn	21	168.885.769.700	52.633.096.500
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	22	4.881.643.588.931	4.010.273.661.046
410	I. Vốn chủ sở hữu		4.881.643.588.931	4.010.273.661.046
411	1. Vốn cổ phần		1.676.282.700.000	1.599.216.250.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		2.344.308.719.177	2.189.781.329.788
414	3. Cổ phiếu ngân quỹ		(152.626.203.900)	(655.246.276.814)
417	4. Quỹ đầu tư, phát triển		25.370.280.515	25.370.280.515
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		25.792.635.752	25.792.635.752
419	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		15.909.752.661	15.909.752.661
420	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		946.605.704.726	809.449.689.144
439	C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		1.571.612.339	35.100.170.021
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		6.378.245.578.998	5.514.704.462.010

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (US\$)	1.389.939	2.041.170
- Euro (EUR)	110	102



Trần Minh Nguyệt
Người lập
Ngày 26 tháng 3 năm 2014



Nguyễn Thị Oanh
Kế toán trưởng



Trần Lệ Nguyên
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

B02-DN/HN

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	4.674.796.415.910	4.311.914.226.281
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	(114.198.130.572)	(26.116.782.870)
10	3. Doanh thu thuần	23.1	4.560.598.285.338	4.285.797.443.411
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(2.584.484.709.244)	(2.416.751.839.765)
20	5. Lợi nhuận gộp		1.976.113.576.094	1.869.045.603.646
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	113.135.293.907	133.281.778.819
22	7. Chi phí tài chính	25	(73.516.940.227)	(190.339.813.268)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(43.391.810.398)	(94.369.615.032)
24	8. Chi phí bán hàng		(996.843.091.578)	(958.733.196.493)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(395.953.432.450)	(343.004.410.348)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		622.935.405.746	510.249.962.356
31	11. Thu nhập khác	26	30.372.643.049	20.132.906.361
32	12. Chi phí khác	26	(34.690.086.601)	(40.454.914.532)
40	13. Lỗ khác	26	(4.317.443.552)	(20.322.008.171)
50	14. Tổng lợi nhuận trước thuế		618.617.962.194	489.927.954.185
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.2	(118.676.164.588)	(131.641.468.329)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	28.3	(7.148.912.968)	(856.794.455)
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế		492.792.884.638	357.429.691.401
	Phân bổ cho:			
61	17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số		(1.076.667.504)	3.485.288.065
62	17.2 Cổ đông của công ty mẹ		493.869.552.142	353.944.403.336
80	18. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	22.4	3.051	2.318

Trần Minh Nguyệt

Người lập

Ngày 26 tháng 3 năm 2014

Nguyễn Thị Oanh

Kế toán trưởng

Trần Lệ Nguyên

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

B03-DN/HN

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Lợi nhuận trước thuế		618.617.962.194	489.927.954.185
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và khấu trừ	4, 9 10,12	230.052.975.960	215.148.557.479
03	Các khoản dự phòng		(7.383.394.361)	11.013.981.270
04	Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		2.258.288.851	(2.781.973.065)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(103.152.864.326)	(51.459.916.808)
06	Chi phí lãi vay	25	43.391.810.398	94.369.615.032
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		783.784.778.716	756.218.218.093
09	Giảm các khoản phải thu		70.706.973.679	64.968.349.554
10	Giảm hàng tồn kho		6.331.711.241	75.709.579.408
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		51.056.516.330	(94.402.339.724)
12	Giảm chi phí trả trước		21.822.216.240	24.994.132.139
13	Tiền lãi vay đã trả		(44.439.725.376)	(96.483.378.327)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	28.2	(181.490.308.355)	(77.403.326.392)
15	Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh		6.232.230.468	6.453.122.221
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(39.495.349.366)	(9.706.163.034)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		674.509.043.577	650.348.193.938
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(179.465.405.244)	(222.818.458.228)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản		7.167.957.959	7.788.090.788
23	Tiền chi cho vay		(2.410.500.000.000)	(2.773.200.000.000)
24	Tiền thu hồi từ cho vay		2.592.419.036.288	2.851.929.343.712
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.000.000.000)	(258.883.483.745)
26	Tiền thu hồi từ đầu tư vào đơn vị khác		32.504.017.702	111.288.125.542
27	Tiền thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia và lãi tiền gửi		48.790.143.022	30.504.845.950
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		89.915.749.727	(253.391.535.981)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

B03-DN/HN

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		696.877.189.600	693.153.676.333
	Nhận góp vốn của cổ đông thiểu số		-	200.000.000
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành		-	(501.376.498.414)
33	Tiền vay nhận được		1.603.649.310.611	2.102.838.534.453
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.618.068.675.638)	(2.517.380.411.634)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu của công ty mẹ		(317.070.140.579)	(311.706.777.813)
	Cổ tức đã trả cho cổ đông thiểu số		(1.188.717.337)	(3.546.360.564)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		364.198.966.657	(537.817.837.639)
50	Tăng (giảm) tiền và tương đương tiền thuần trong năm		1.128.623.759.961	(140.861.179.682)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	5	829.459.259.294	967.330.130.617
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(18.471.131)	2.990.308.359
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	1.958.064.548.124	829.459.259.294

Trần Minh Nguyệt

Người lập

Ngày 26 tháng 3 năm 2014

Nguyễn Thị Oanh

Kế toán trưởng



Trần Lệ Nguyên

Tổng Giám đốc

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tập đoàn bao gồm Công ty Cổ phần Kinh Đô ("KDC" hoặc "Công ty"), các công ty con, các công ty liên kết và một công ty liên doanh đồng kiểm soát như sau:

Công ty

KDC là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 9 năm 2002 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đây:

GCNĐKKD điều chỉnh:

Số 4103001184

Điều chỉnh lần thứ nhất

Điều chỉnh lần thứ hai

Điều chỉnh lần thứ ba

Điều chỉnh lần thứ tư

Điều chỉnh lần thứ năm

Điều chỉnh lần thứ sáu

Điều chỉnh lần thứ bảy

Điều chỉnh lần thứ tám

Điều chỉnh lần thứ chín

Điều chỉnh lần thứ mười

Số 0302705302

Điều chỉnh lần thứ mười một

Điều chỉnh lần thứ mười hai

Điều chỉnh lần thứ mười ba

Điều chỉnh lần thứ mười bốn

Điều chỉnh lần thứ mười lăm

Điều chỉnh lần thứ mười sáu

Điều chỉnh lần thứ mười bảy

Điều chỉnh lần thứ mười tám

Ngày:

26 tháng 11 năm 2002

22 tháng 9 năm 2003

11 tháng 12 năm 2003

3 tháng 8 năm 2004

7 tháng 10 năm 2004

11 tháng 5 năm 2005

18 tháng 5 năm 2006

6 tháng 7 năm 2006

6 tháng 11 năm 2007

10 tháng 10 năm 2008

21 tháng 1 năm 2010

1 tháng 11 năm 2010

26 tháng 3 năm 2011

2 tháng 3 năm 2012

23 tháng 11 năm 2012

21 tháng 3 năm 2013

2 tháng 4 năm 2013

18 tháng 11 năm 2013

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 39/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 11 năm 2005.

Hoạt động chính của Công ty là chế biến nông sản thực phẩm; sản xuất kẹo, nước tinh khiết và nước ép trái cây; và mua bán nông sản thực phẩm, công nghệ phẩm và vải sợi.

KDC có trụ sở chính đăng ký tại số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 7.069 (31 tháng 12 năm 2012: 5.889).

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Các công ty con

Công ty Cổ phần Kinh Đô Bình Dương (“KDBD”)

KDC sở hữu 99,8% vốn cổ phần trong KDBD, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 4603000129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 13 tháng 10 năm 2004 và theo GCNĐKKD sửa đổi sau đó.

Hoạt động chính của KDBD là chế biến nông sản thực phẩm; sản xuất kẹo, nước tinh khiết và nước ép trái cây; mua bán nông sản thực phẩm, công nghệ phẩm và vải sợi.

KDBD có trụ sở và nhà máy đăng ký tại Khu Công nghiệp Việt Nam - Singapore, Thị Xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Vinabico (“Vinabico”)

KDC sở hữu 100% vốn cổ phần trong Vinabico, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103001904 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 11 năm 2003 và theo GCNĐKKD sửa đổi sau đó.

Hoạt động chính của Vinabico là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bánh kẹo và sản xuất nước uống tinh khiết.

Vinabico có trụ sở và nhà máy đăng ký tại 436 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty TNHH Kido (“KIDO”)

KDC sở hữu 100% vốn chủ sở hữu trong KIDO, trước đây là một công ty cổ phần, hiện là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103001557 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 4 năm 2003 và theo các GCNĐKKD sửa đổi sau đó.

Hoạt động chính của KIDO là sản xuất và kinh doanh các loại thực phẩm và đồ uống như kem ăn, sữa và các sản phẩm làm từ sữa.

KIDO có trụ sở và nhà máy đăng ký tại Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Ấp Cây Sộp, Xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty TNHH Một Thành viên Kinh Đô Miền Bắc (“NKD”)

KDC sở hữu 100% vốn chủ sở hữu trong NKD, trước đây là một công ty cổ phần, hiện là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định số 139/QĐ-UB do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 19 tháng 8 năm 1999 và GCNĐKKD số 0503000001 và số 0900178525 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên lần lượt cấp ngày 28 tháng 1 năm 2000 và ngày 25 tháng 1 năm 2011.

Hoạt động chính của NKD là sản xuất và chế biến các loại thực phẩm, bao gồm các loại bánh thượng hạng, kinh doanh thực phẩm, các loại đồ uống, rượu và thuốc lá tại Việt Nam, và cho thuê nhà xưởng.

NKD có trụ sở chính đăng ký tại Thị trấn Bần Yên Nhân, Huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam và một chi nhánh tại số 200 Thái Hà, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Các công ty liên kết

Công ty TNHH Tân An Phước (“TAP”)

KDC sở hữu 49% vốn điều lệ trong TAP, một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0309403269 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 9 năm 2009.

Hoạt động chính của TAP là kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản.

TAP có trụ sở đăng ký tại số 6/134 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Bất động sản Thành Thái (“TTR”)

KDC sở hữu 30% vốn cổ phần trong TTR, một công ty cổ phần được thành lập theo luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0310442801 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 11 năm 2010.

Hoạt động chính của TTR là kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản.

TTR có trụ sở đăng ký tại số 332 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Liên doanh đồng kiểm soát

Công ty Cổ phần Đầu tư Lavenue (“Lavenue”)

KDC sở hữu 50% vốn cổ phần trong Lavenue, một công ty cổ phần được thành lập theo luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0310306044 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2010.

Hoạt động chính của Lavenue là kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản.

Lavenue có trụ sở đăng ký tại Lầu 3, Tòa nhà May Flower, 12 Lê Thánh Tôn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- » Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- » Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- » Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- » Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- » Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Tập đoàn là Nhật ký Chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là VNĐ.

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cùng kỳ báo cáo với Công ty theo các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí khác, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi cổ đông của Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Việc mua lại phần lợi ích của cổ đông thiểu số được hạch toán theo phương pháp mở rộng quyền sở hữu của Tập đoàn, theo đó, phần chênh lệch giữa giá mua và giá trị sổ sách của phần được mua trong tài sản thuần được ghi nhận như khoản lợi thế thương mại.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Tập đoàn sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--|---|--|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa. | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm. | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường. |

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu trừ lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu trừ lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các quyền sử dụng đất

Các quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, bao gồm giá trị của các quyền sử dụng đất đã được Tập đoàn mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của các quyền sử dụng đất được đánh giá theo thời hạn sử dụng của các quyền sử dụng đất. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn là quyền sử dụng đất đã thuê và được khấu trừ theo thời hạn thuê, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được khấu trừ.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.8 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và khấu trừ tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận chuyển	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất	46 năm
Thương hiệu	10 - 20 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Lợi thế quyền thuê đất	20 - 55 năm
Mối quan hệ với khách hàng	16 năm
Tài sản khác	8 năm

Theo định kỳ, thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định và tỷ lệ khấu hao và khấu trừ được xem xét lại nhằm đảm bảo rằng phương pháp và thời gian trích khấu hao và khấu trừ nhất quán với lợi ích kinh tế dự kiến sẽ thu được từ việc sử dụng tài sản cố định.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản như sau:

Nhà máy	13,5 năm
---------	----------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng nhà máy, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào hoạt động.

3.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

3.12 Các chi phí trả trước

Các chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của các chi phí đó tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013, theo quy định của Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực sau năm 2013 không còn đủ tiêu chuẩn để được ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Theo đó, các khoản tiền thuê đất trả trước theo hợp đồng thuê đất có hiệu lực sau năm 2003 chưa phân bổ hết được phân loại từ khoản mục tài sản cố định vô hình sang khoản mục chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.13 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Các giao dịch hợp nhất kinh doanh được hạch toán kế toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại được xác định ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch của giá phí hợp nhất so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng. Nếu giá phí hợp nhất thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được hợp nhất, phần chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định bằng nguyên giá trừ giá trị phân bổ lũy kế. Việc phân bổ lợi thế thương mại được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm, là thời gian thu hồi lợi ích kinh tế có thể mang lại cho Tập đoàn.

3.14 Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền biểu quyết.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong khoảng thời gian mười (10) năm. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ dự trữ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ dự trữ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Đầu tư vào liên doanh đồng kiểm soát

Khoản đầu tư của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sau khi mua.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận (lỗ) của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ dự trữ của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận vào quỹ dự trữ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Cổ tức nhận được từ cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được chuyển vào khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

3.16 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của khoản đầu tư với giá trị thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.17 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.18 Trích lập trợ cấp thôi việc

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm Xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của 6 tháng gần nhất tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.19 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tập đoàn áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư số 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ như đã áp dụng nhất quán trong năm trước.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.20 Cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ thể hiện số cổ phiếu của Công ty do Tập đoàn mua lại và được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận lãi hoặc lỗ khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.21 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp, trước khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi, phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.22 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

3.23 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Tập đoàn trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nguyên nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn của tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.23 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Tập đoàn và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.24 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

3.25 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tập đoàn chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- » Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- » Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- » Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- » Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.26 Công cụ tài chính

Ghi nhận lần đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009, hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Tài sản tài chính, theo phạm vi của Thông tư 210 cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Tập đoàn quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các đầu tư ngắn hạn và dài hạn.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính, theo phạm vi của Thông tư 210 cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Tập đoàn xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, các khoản vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Tập đoàn có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

4.1 Hợp nhất kinh doanh

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2013 ngày 12 tháng 4 năm 2013, các cổ đông của Công ty đã chấp thuận và thông qua việc sáp nhập Công ty Cổ phần Vinabico ("Vinabico") dưới hình thức phát hành cổ phiếu mới cho các cổ đông hiện hữu của Vinabico theo tỷ lệ 1:2,2 (1 cổ phiếu của Công ty sẽ được hoán đổi với 2,2 cổ phiếu của Vinabico).

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Công ty đã hoàn tất việc phát hành 1.105.645 cổ phiếu mới với mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VNĐ cho mục đích hoán đổi cổ phiếu của Vinabico.

Giá trị hợp lý của tài sản thuần nắm giữ bởi Vinabico tại ngày mua đã được Ban Tổng Giám đốc đánh giá lại. Việc đánh giá phản ánh rằng không có bất kỳ tài sản vô hình có thể xác định được ghi nhận tại ngày mua và giá trị hợp lý của tài sản thuần bằng với giá trị tạm thời đã được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Vinabico vào ngày hợp nhất kinh doanh được trình bày như sau:

	Giá trị hợp lý ghi nhận tại ngày hợp nhất VNĐ
Tài sản	
Tài sản, nhà xưởng và trang thiết bị	7.388.107.304
Phải thu khách hàng	5.235.691.428
Hàng tồn kho	2.801.038.999
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.829.719.234
Các khoản đầu tư	41.174.484.744
Tài sản ngắn hạn khác	3.823.496.136
Tài sản vô hình	7.462.892.695
Tài sản dài hạn khác	10.688.039.534
	81.403.470.074
Nợ phải trả	
Phải trả người bán	1.364.916.322
Phải trả khác	15.994.860.175
	17.359.776.497
Tổng tài sản thuần	64.043.693.577
Tổng tài sản thuần bị hợp nhất, 48,8%	31.252.450.241
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất	21.044.558.259
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh	52.297.008.500

Tổng chi phí cho việc hợp nhất kinh doanh là 52.297.008.500 VNĐ bao gồm việc phát hành 1.105.645 cổ phiếu phổ thông với giá trị hợp lý là giá thị trường của cổ phiếu Công ty vào ngày hợp nhất kinh doanh, là 47.300 VNĐ mỗi cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI (tiếp theo)

4.2 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian 10 năm kể từ ngày mua. Giá trị phân bổ trong năm và giá trị phân bổ lũy kế vào ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày như sau:

	Giá trị VNĐ
Nguyên giá	
Số đầu năm	433.015.187.595
Tăng trong năm do hợp nhất kinh doanh	21.044.558.259
Số cuối năm	454.059.745.854
Giá trị khấu trừ lũy kế	
Số đầu năm	83.094.236.290
Khấu trừ trong năm	44.643.343.543
Số cuối năm	127.737.579.833
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	349.920.951.305
Số cuối năm	326.322.166.021

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Tiền mặt	1.902.172.564	1.459.782.477
Tiền gửi ngân hàng	282.810.221.399	211.785.272.910
Tiền đang chuyển	2.352.154.161	1.903.992.000
Các khoản tương đương tiền	1.671.000.000.000	614.310.211.907
TỔNG CỘNG	1.958.064.548.124	829.459.259.294

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng với kỳ hạn dưới ba tháng và hưởng lãi suất theo lãi suất tiền gửi có thể áp dụng.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Phải thu từ khách hàng	188.931.745.641	180.529.903.420
Trong đó:		
Các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	26.479.518.640	51.543.851.651
Các bên thứ ba	162.452.227.001	128.986.051.769
Trả trước cho người bán	70.757.652.186	196.058.013.223

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Trong đó:		
Bên liên quan (Thuyết minh số 29)	13.950.621.542	27.929.026.963
Các bên thứ ba	56.807.030.644	168.128.986.260
Các khoản phải thu khác	603.491.045.600	507.157.423.689
Trong đó:		
Các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	402.054.592.874	344.901.764.350
Phải thu từ việc bán các khoản đầu tư	156.776.770.363	156.776.698.020
Lãi tiền gửi	3.023.356.389	-
Phải thu khác	41.636.325.974	5.478.961.319
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.287.129.493)	(1.631.142.631)
GIÁ TRỊ THUẦN	859.893.313.934	882.114.197.701

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Nguyên vật liệu	182.115.956.240	184.979.783.982
Thành phẩm	66.529.353.608	91.901.676.725
Công cụ, dụng cụ	37.506.961.237	28.842.914.533
Hàng hóa	11.119.095.817	2.586.365.048
Hàng gửi đi bán	8.479.275.211	2.067.862.904
Hàng mua đang đi đường	8.398.681.676	10.239.873.840
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.464.716.868	3.327.274.866
Giá gốc hàng tồn kho	317.614.040.657	323.945.751.898
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(13.916.436.529)	(7.339.802.889)
GIÁ TRỊ THUẦN	303.697.604.128	316.605.949.009

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Số đầu năm	7.339.802.889	1.623.240.670
Dự phòng trích lập trong năm	13.916.436.529	7.339.802.889
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(7.339.802.889)	(1.623.240.670)
Số cuối năm	13.916.436.529	7.339.802.889

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa (Thuyết minh số 28.2)	16.764.949.919	-
Khác	750.371.719	-
TỔNG CỘNG	17.515.321.638	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ
Nguyên giá		
Số đầu năm	391.412.863.319	1.091.707.291.181
Tăng trong năm	19.125.229.299	97.107.882.563
Trong đó:		
Mua mới	3.284.300.106	41.523.433.494
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	15.840.929.193	55.584.449.069
Giảm trong năm	658.129.003	(51.132.382.033)
Trong đó:		
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.911.712.487)
Phân loại lại	658.129.003	(44.220.669.546)
Số cuối năm	411.196.221.621	1.137.682.791.711
Trong đó:		
Đã khấu hao hết	17.095.052.818	127.627.080.550
Giá trị khấu hao lũy kế		
Số đầu năm	92.033.184.946	547.364.507.782
Khấu hao trong năm	23.854.875.057	103.323.780.397
Giảm trong năm	159.046.871	(44.038.036.253)
Trong đó:		
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.213.249.023)
Phân loại lại	159.046.871	(37.824.787.230)
Số cuối năm	116.047.106.874	606.650.251.926
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	299.379.678.373	544.342.783.399
Số cuối năm	295.149.114.747	531.032.539.785

Tập đoàn đã sử dụng máy móc thiết bị với giá trị còn lại là 237.031.514.595 VNĐ làm tài sản thế chấp cho các khoản

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Thương hiệu VNĐ	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ
Nguyên giá			
Số đầu năm	16.591.966.348	64.772.106.766	76.563.143.961
Tăng trong năm - Mua mới	-	349.200.000	231.829.865
Phân loại lại	-	(63.843.027.996)	-
Số cuối năm	16.591.966.348	1.278.278.770	76.794.973.826
Trong đó:			
Đã khấu trừ hết	-	671.220.840	2.439.995.855
Giá trị khấu trừ lũy kế			
Số đầu năm	3.318.393.116	7.794.602.688	27.841.536.558
Khấu trừ trong năm	1.659.196.789	2.171.338.917	7.836.150.379
Phân loại lại	-	(8.897.288.093)	(181.844.115)
Số cuối năm	4.977.589.905	1.068.653.512	35.495.842.822
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	13.273.573.232	56.977.504.078	48.721.607.403
Số cuối năm	11.614.376.443	209.625.258	41.299.131.004

Phương tiện vận chuyển VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng cộng VNĐ
133.612.141.888	72.835.515.618	1.689.567.812.006
9.091.441.847	17.791.219.005	143.115.772.714
5.444.180.072	16.011.438.330	66.263.352.002
3.647.261.775	1.779.780.675	76.852.420.712
(12.468.158.678)	(14.595.371.994)	(77.537.783.702)
(11.574.041.642)	(957.639.120)	(19.443.393.249)
(894.117.036)	(13.637.732.874)	(58.094.390.453)
130.235.425.057	76.031.362.629	1.755.145.801.018
17.916.613.827	38.187.804.964	200.826.552.159
56.182.891.435	52.010.688.781	747.591.272.944
15.539.934.597	8.060.770.390	150.779.360.441
(7.269.225.133)	(11.358.406.953)	(62.506.621.468)
(6.526.484.762)	(938.075.859)	(13.677.809.644)
(742.740.371)	(10.420.331.094)	(48.828.811.824)
64.453.600.899	48.713.052.218	835.864.011.917
77.429.250.453	20.824.826.837	941.976.539.062
65.781.824.158	27.318.310.411	919.281.789.101

vay ngắn hạn và dài hạn từ các ngân hàng. Chi tiết được thể hiện trong các Thuyết minh số 15 và 21.

Lợi thế quyền thuê đất VNĐ	Mối quan hệ với khách hàng VNĐ	Khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
55.268.061.157	277.615.077.188	2.000.000.000	492.810.355.420
-	-	-	581.029.865
-	-	-	(63.843.027.996)
55.268.061.157	277.615.077.188	2.000.000.000	429.548.357.289
-	-	-	3.111.216.695
5.130.627.365	34.701.884.648	2.000.000.000	80.787.044.375
2.789.254.539	17.350.942.324	250.000.000	32.056.882.948
-	-	(416.666.668)	(9.495.798.876)
7.919.881.904	52.052.826.972	1.833.333.332	103.348.128.447
50.137.433.792	242.913.192.540	-	412.023.311.045
47.348.179.253	225.562.250.216	166.666.668	326.200.228.842

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Lắp đặt máy móc	120.770.769.156	83.046.025.998
Phát triển phần mềm	2.437.080.393	3.581.574.577
Xây dựng nhà máy mới	-	5.510.118.012
Khác	2.501.806.612	5.792.023.881
TỔNG CỘNG	125.709.656.161	97.929.742.468

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà máy VNĐ
Nguyên giá	
Số đầu năm và cuối năm	34.524.970.816
Giá trị khấu hao lũy kế	
Số đầu năm	10.506.673.217
Khấu hao trong năm	2.573.389.028
Số cuối năm	13.080.062.245
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	24.018.297.599
Số cuối năm	21.444.908.571

Bất động sản đầu tư bao gồm một nhà xưởng đang cho Công ty Cổ phần Tribeco Miền Bắc thuê trong vòng 15 năm, từ ngày 25 tháng 5 năm 2007. Bất động sản đầu tư được trích khấu hao trong 13,5 năm bắt đầu từ ngày 17 tháng 11 năm 2008. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được Tập đoàn đánh giá và xác định lại vào ngày 31 tháng 12 năm 2013. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng giá trị thị trường của bất động sản đầu tư đang cao hơn giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

13.1 Đầu tư vào các công ty liên kết và công ty liên doanh đồng kiểm soát

Công ty liên kết và liên doanh đồng kiểm soát	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị đầu tư		Số đầu năm VNĐ
		Số cuối năm VNĐ	Tỷ lệ sở hữu %	
Công ty Cổ phần Đầu tư Lavenue ("Lavenue")	50,00	1.050.000.000.000	50,00	1.050.000.000.000
Công ty TNHH Tân An Phước ("TAP")	49,00	205.300.000.000	49,00	204.300.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Thành Thái ("TTR")	30,00	1.800.000.000	30,00	1.800.000.000
TỔNG CỘNG		1.257.100.000.000		1.256.100.000.000

13.2 Các khoản đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị VNĐ	Số lượng	Giá trị VNĐ
Giá trị thuần của chứng khoán kinh doanh		3.681.723.350		24.265.947.837
Chứng khoán kinh doanh	95.691	4.778.276.394	1.991.386	48.737.879.600
<i>Trong đó,</i>				
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>				
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	27.412	1.021.814.918	27.412	1.021.814.918
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh ("REE")	18.144	252.000.000	91.044	1.458.264.693
Các cổ phiếu khác	135	4.461.476	90.129	3.516.100.478
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long	-	-	455.281	15.885.188.911
Quỹ Cân bằng Prudential	-	-	1.040.000	10.860.118.000
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>				
Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	50.000	3.500.000.000	50.000	3.500.000.000
Tập đoàn Bảo hiểm Viễn Đông	-	-	237.520	12.496.392.600
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán		(1.096.553.044)		(24.471.931.763)
Giá trị thuần của các khoản đầu tư ngắn hạn khác		35.798.000.000		213.217.036.288
Các khoản đầu tư ngắn hạn		43.798.000.000		225.717.036.288
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đầu tư trái phiếu ngắn hạn</i>	<i>1.000</i>	<i>98.000.000</i>	<i>1.000</i>	<i>98.000.000</i>
Trái phiếu của REE	1.000	98.000.000	1.000	98.000.000
<i>Đầu tư ngắn hạn khác</i>		<i>43.700.000.000</i>		<i>225.619.036.288</i>
Cho các bên liên quan vay				
<i>Trong đó:</i>				
Công ty Cổ phần Hùng Vương (*)		35.700.000.000		35.700.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô		-		156.919.036.288
Công ty Đất Thắng		-		15.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vimec		-		10.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác		8.000.000.000		8.000.000.000
Dự phòng đầu tư ngắn hạn khác		(8.000.000.000)		(12.500.000.000)
Giá trị thuần của các khoản đầu tư ngắn hạn		39.479.723.350		237.482.984.125

(*) Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty Cổ phần Hùng Vương đã hoàn trả cho Tập đoàn số tiền là 35.700.000.000 VNĐ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

13.3 Các khoản đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng chứng chỉ quỹ	Giá trị VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	Giá trị VNĐ
Quỹ Đầu tư Chứng Khoán Y tế Bản Việt	150	15.000.000.000	150	15.000.000.000

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Tiền thuê đất	71.275.053.740	16.709.161.152
Công cụ, dụng cụ tiêu dùng	47.416.744.169	56.921.307.813
Chi phí bảo trì	3.579.907.327	2.158.899.606
Khác	2.102.295.043	3.918.415.441
TỔNG CỘNG	124.374.000.279	79.707.784.012

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Vay ngắn hạn	255.722.512.286	529.559.033.303
Vay dài hạn đến hạn phải trả (Thuyết minh số 21)	145.216.700.016	-
TỔNG CỘNG	400.939.212.302	529.559.033.303

Các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng của Tập đoàn nhằm mục đích tài trợ nhu cầu vốn lưu động và số dư vào ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VNĐ	Kỳ hạn vay	Lãi suất %/năm	Khoản đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam	99.618.277.545	180 ngày kể từ ngày giải ngân	6,5	Tín chấp
Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương	74.972.459.945	5 tháng kể từ ngày giải ngân	6,4	Máy móc thiết bị trị giá 4.891.677.858 VNĐ
Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC Việt Nam	35.566.234.311	90 ngày kể từ ngày giải ngân	5,8 - 6,5	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	30.542.930.599	5 tháng kể từ ngày giải ngân	7,5 - 8,5	Toàn bộ quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê đất và tài sản hình thành trên đất tại Khu công nghiệp Tây Bắc - Củ Chi
Ngân hàng Quốc Tế Việt Nam ("VIB")	8.811.646.869	6 tháng kể từ ngày giải ngân	7	Tín chấp
	4.772.159.277	6 tháng kể từ ngày giải ngân	8	Các khoản phải thu và hàng tồn kho luân chuyển với giá trị tối thiểu bằng dư nợ của bên vay tại mọi thời điểm
Ngân hàng Standard Chartered	1.438.803.740	120 ngày kể từ ngày giải ngân	6	Máy móc thiết bị trị giá 27.856.590.036 VNĐ
	255.722.512.286			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Phải trả bên thứ ba	265.262.235.541	257.155.299.694
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	18.510.145.567	17.462.956.852
TỔNG CỘNG	283.772.381.108	274.618.256.546

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Trả trước từ các bên thứ ba	34.845.875.955	37.523.901.577
Trả trước từ bên liên quan (Thuyết minh số 29)	104.852.253	104.852.253
TỔNG CỘNG	34.950.728.208	37.628.753.830

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 28.2)	60.627.851.285	79.116.759.336
Thuế giá trị gia tăng	17.662.993.337	17.798.220.570
Thuế thu nhập cá nhân	2.704.945.678	4.233.648.849
Thuế xuất nhập khẩu	-	480.358.799
Các loại thuế khác	831.332.363	1.094.122.331
TỔNG CỘNG	81.827.122.663	102.723.109.885

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Chi phí tiếp thị	93.547.309.568	69.694.923.489
Lương tháng 13 và thưởng	45.985.328.998	33.534.434.998
Thuế và phí chuyển quyền sử dụng đất	34.594.000.000	34.594.000.000
Hoa hồng bán hàng	20.871.418.585	26.425.323.237
Phí vận chuyển	14.350.962.827	13.560.403.738
Phí bản quyền	5.752.005.440	3.274.139.000
Chi phí tiện ích	5.458.486.312	3.278.987.013
Chi phí lãi vay	1.931.764.928	2.979.679.906
Chi phí khác	7.617.763.267	6.681.277.086
TỔNG CỘNG	230.109.039.925	194.023.168.467

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Giữ hộ vốn góp	100.000.000.000	100.000.000.000
Doanh thu chưa thực hiện	2.947.932.000	2.947.932.000
Nhận ký cược, ký quỹ	2.767.218.796	2.987.218.796
Cổ tức phải trả	2.435.013.268	1.364.047.360
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	1.526.414.089	1.811.992.728
Kinh phí công đoàn	1.017.711.076	2.466.048.047
Các khoản phải trả khác	11.663.216.825	9.916.874.790
TỔNG CỘNG	122.357.506.054	121.494.113.721
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	<i>100.614.628.800</i>	<i>102.334.622.604</i>
<i>Phải trả bên thứ ba</i>	<i>21.742.877.254</i>	<i>19.159.491.117</i>

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Vay dài hạn từ ngân hàng	314.102.469.716	52.633.096.500
Trừ:		
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 15)	145.216.700.016	-
Vay dài hạn	168.885.769.700	52.633.096.500

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VNĐ	Kỳ hạn vay	Lãi suất %/năm	Hình thức bảo đảm
SCB - Đô la Mỹ	172.112.727.234	3 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên, là ngày 7 tháng 3 năm 2013	3,8	Máy móc và thiết bị trị giá là 125.257.984.370 VNĐ
<i>Trong đó: vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>76.494.545.532</i>			
SCB - VNĐ	40.909.090.910	1.076 ngày kể từ ngày rút vốn đầu tiên, là ngày 27 tháng 3 năm 2013	6,9	Như trên
<i>Trong đó: vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>18.181.818.180</i>			
Ngân hàng United Overseas ("UOB") - Đô la Mỹ	101.080.651.572	36 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, là ngày 8 tháng 11 năm 2012	5	Dây chuyền sản xuất bánh ngọt trị giá 79.025.262.331 VNĐ
<i>Trong đó: vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>50.540.336.304</i>			
TỔNG CỘNG	314.102.469.716			
<i>Trong đó:</i>				
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>145.216.700.016</i>			
<i>Vay dài hạn</i>	<i>168.885.769.700</i>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ
Năm trước			
Số đầu năm	1.195.178.810.000	1.950.665.093.455	(153.869.778.400)
Phát hành cổ phiếu mới	140.000.000.000	503.153.676.333	-
Phát hành cổ phiếu thưởng	264.037.440.000	(264.037.440.000)	-
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(501.376.498.414)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-
Cổ tức đã công bố	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-
Số cuối năm	1.599.216.250.000	2.189.781.329.788	(655.246.276.814)
Năm nay			
Số đầu năm	1.599.216.250.000	2.189.781.329.788	(655.246.276.814)
Phát hành cổ phiếu cho nhân viên	66.010.000.000	31.686.000.000	-
Phát hành cổ phiếu để hợp nhất kinh doanh	11.056.450.000	40.630.558.500	-
Mua cổ phiếu quỹ	-	82.210.830.889	502.620.072.914
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-
Cổ tức đã công bố	-	-	-
Trích lập quỹ	-	-	-
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-
Số cuối năm	1.676.282.700.000	2.344.308.719.177	(152.626.203.900)

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2013 ngày 12 tháng 4 năm 2013, các cổ đông của Công ty đã chấp thuận và thông qua việc sáp nhập Công ty Cổ phần Vinabico ("Vinabico") dưới hình thức phát hành cổ phiếu mới cho các cổ đông hiện hữu của Vinabico theo tỷ lệ 1:2,2 (1 cổ phiếu của Tập đoàn sẽ được hoán đổi với 2,2 cổ phiếu của Vinabico).

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, việc phát hành cổ phiếu cho mục đích hoán đổi cổ phiếu của Vinabico đã hoàn thành và Công ty đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục để nộp Báo cáo Kết quả Phát hành Cổ phiếu cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty đang trong quá trình xin sửa đổi Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh liên quan đến số vốn cổ phần tăng lên do việc phát hành cổ phiếu mới cho mục đích sáp nhập được đề cập ở trên từ các cơ quan có thẩm quyền.

					VNĐ
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
(891.411.434)	25.370.280.515	25.792.635.752	15.909.752.661	779.434.568.252	3.837.589.950.801
-	-	-	-	-	643.153.676.333
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	(501.376.498.414)
891.411.434	-	-	-	-	891.411.434
-	-	-	-	353.944.403.336	353.944.403.336
-	-	-	-	(311.455.718.925)	(311.455.718.925)
-	-	-	-	(6.728.181.334)	(6.728.181.334)
-	-	-	-	(5.745.382.185)	(5.745.382.185)
-	25.370.280.515	25.792.635.752	15.909.752.661	809.449.689.144	4.010.273.661.046
-	25.370.280.515	25.792.635.752	15.909.752.661	809.449.689.144	4.010.273.661.046
-	-	-	-	-	97.696.000.000
-	-	-	-	-	51.687.008.500
-	-	-	-	-	584.830.903.803
-	-	-	-	493.869.552.142	493.869.552.142
-	-	-	-	(318.141.106.487)	(318.141.106.487)
-	-	-	-	(31.543.480.073)	(31.543.480.073)
-	-	-	-	(7.028.950.000)	(7.028.950.000)
-	25.370.280.515	25.792.635.752	15.909.752.661	946.605.704.726	4.881.643.588.931

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Vốn cổ phần		
Số đầu năm	1.599.216.250.000	1.195.178.810.000
Vốn tăng trong năm	77.066.450.000	404.037.440.000
Số cuối năm	1.676.282.700.000	1.599.216.250.000
Cổ tức		
Cổ tức công bố	318.141.106.487	311.455.718.925

22.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	167.628.270	159.921.625
Cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	167.628.270	159.921.625
Cổ phiếu ngân quỹ do Tập đoàn nắm giữ	(1.492.335)	(14.535.368)
<i>Trong đó: nắm giữ bởi Công ty</i>	<i>(1.492.256)</i>	<i>(1.492.256)</i>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	166.135.935	145.386.257

22.4 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Lợi nhuận thuần cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VNĐ)	493.869.552.142	353.944.403.336
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	161.876.676	152.692.848
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	3.051	2.318
<i>(Mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VNĐ)</i>		

Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm của Công ty bao gồm cổ phiếu ngân quỹ và cổ phiếu thưởng đã thực hiện cho đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này. Theo đó, số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm của năm trước đã được điều chỉnh hồi tố.

Tập đoàn không có cổ phiếu suy giảm tiềm năng vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Tổng doanh thu:	4.674.796.415.910	4.311.914.226.281
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thành phẩm đã bán	4.593.939.105.675	4.261.773.089.546
Doanh thu hàng hóa đã bán	78.697.252.611	48.768.953.487
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.160.057.624	1.372.183.248
Trừ:	(114.198.130.572)	(26.116.782.870)
<i>Trong đó:</i>		
Hàng bán bị trả lại	(52.633.490.262)	(15.862.928.415)
Giảm giá hàng bán	(61.564.640.310)	(10.253.854.455)
Doanh thu thuần	4.560.598.285.338	4.285.797.443.411

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Lãi cho vay và lãi tiền gửi	108.281.743.978	122.931.646.545
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	2.630.600.578	5.746.638.478
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	1.569.220.394	418.433.704
Cổ tức và lợi nhuận được chia	653.728.957	1.088.283.677
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	2.781.973.065
Lãi từ đầu tư vào chứng khoán	-	314.803.350
TỔNG CỘNG	113.135.293.907	133.281.778.819

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.489.214.834.327	2.362.933.789.580
Giá vốn của hàng hóa đã bán	44.467.415.735	31.428.101.387
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	6.576.633.640	5.716.562.219
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.573.389.028	2.573.389.029
Giá vốn khác	41.652.436.514	14.099.997.550
TỔNG CỘNG	2.584.484.709.244	2.416.751.839.765

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Chi phí lãi vay	43.391.810.398	94.369.615.032
Phí tư vấn tài chính	34.328.987.760	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	3.139.219.009	9.017.219.090
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	2.258.288.851	-
Chiết khấu thanh toán	1.300.075.820	2.138.505.535
Lỗi do thanh lý các khoản đầu tư	765.514.385	75.227.233.816
(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(15.616.014.863)	6.127.874.987
Khác	3.949.058.867	3.459.364.808
TỔNG CỘNG	73.516.940.227	190.339.813.268

26. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Thu nhập khác	30.372.643.049	20.132.906.361
Thu nhập từ bán phế liệu	12.340.588.017	8.950.392.665
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	7.167.957.959	7.788.090.788
Thu nhập khác	10.864.097.073	3.394.422.908
Chi phí khác	(34.690.086.601)	(40.454.914.532)
Chi phí bán phế liệu	(6.707.431.121)	(6.313.758.422)
Chi phí thanh lý tài sản cố định	(5.765.583.605)	(5.854.107.440)
Chi phí của dự án Hiệp Bình Phước	(4.407.114.395)	-
Chi phí phạt	(4.243.636.059)	(13.102.514.941)
Thanh lý các khoản phải thu	-	(9.598.048.875)
Chi phí khấu hao tài sản cố định không sử dụng cho hoạt động kinh doanh	-	(1.568.797.253)
Chi phí khác	(13.566.321.421)	(4.017.687.601)
LỖ THUẬN	(4.317.443.552)	(20.322.008.171)

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Giá vốn hàng hóa	44.467.415.735	31.428.101.387
Nguyên vật liệu	1.986.466.175.919	2.038.113.660.539
Chi phí nhân công	665.734.246.822	589.804.207.979
Chi phí khấu hao và khấu trừ (Thuyết minh số 4, 9, 10 và 12)	230.052.975.960	213.579.760.226
Chi phí dịch vụ mua ngoài	581.591.958.146	438.501.829.445
Chi phí khác	477.497.756.620	441.229.532.421
TỔNG CỘNG	3.985.810.529.202	3.752.657.091.997

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và các công ty con, ngoại trừ KDBD, có nghĩa vụ nộp thuế TNDN bằng 25% lợi nhuận chịu thuế.

KDBD có nghĩa vụ nộp thuế TNDN bằng 15% lợi nhuận chịu thuế trong mười hai (12) năm kể từ khi bắt đầu hoạt động và 25% lợi nhuận chịu thuế cho các năm tiếp theo. KDBD được miễn thuế TNDN trong ba (3) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (là năm 2008) và được giảm 50% thuế TNDN trong bảy (7) năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28.1 Thuế TNDN

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(118.676.164.588)	(131.641.468.329)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(7.148.912.968)	(856.794.455)
TỔNG CỘNG	(125.825.077.556)	(132.498.262.784)

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được tính toán dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Tập đoàn được tính theo các thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và thu nhập chịu thuế:

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	618.617.962.194	489.927.954.185
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		
Chênh lệch vĩnh viễn		
Lợi nhuận từ tái phát hành cổ phiếu quỹ nắm giữ bởi các công ty con	109.771.116.686	-
Chi phí quảng cáo vượt mức 10%	82.496.490.142	179.773.366.015
Các khoản thanh toán không liên quan đến thu nhập chịu thuế	50.610.068.519	42.133.667.060
Khấu trừ của lợi thế thương mại	44.643.343.543	43.591.115.630
Khấu trừ của tài sản cố định vô hình định giá lại từ các hợp nhất kinh doanh	21.708.646.991	21.638.639.385
Chi phí phạt	1.342.902.318	13.132.414.941
Thu nhập từ cho thuê của công ty con	787.874.376	1.575.748.752
Khấu hao tài sản cố định vượt mức quy định	1.413.682.130	1.253.219.666
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư	-	(40.005.209.054)
Các khoản thu nhập không chịu thuế	(653.728.957)	(1.088.283.677)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư không được khấu trừ những năm trước	(12.256.671.256)	-
Các khoản điều chỉnh khác	1.118.141.906	3.540.436.016
Chênh lệch tạm thời		
Dự phòng đầu tư ngắn hạn khác	8.000.000.000	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.613.303.193	1.660.036.536
Các khoản chi phí phải trả	5.099.602.203	(48.801.956.047)
Chi phí phân bổ vượt mức	4.165.600.000	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	2.927.966.169	(3.009.124.805)
Lợi nhuận chưa thực hiện	725.046.329	4.863.283.977
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư của các công ty con	605.174.500	(605.174.500)
Dự phòng trợ cấp thôi việc	417.312.314	3.892.508.779
Dự phòng các khoản cho các bên liên quan vay	(12.500.000.000)	12.500.000.000
Thu nhập chịu thuế ước tính	934.653.833.300	725.972.642.859
Thuế TNDN phải nộp ước tính	191.816.622.453	152.938.697.307
Thuế TNDN được giảm	(31.956.622.487)	(22.490.550.974)
Điều chỉnh thuế TNDN từ việc phát hành lại cổ phiếu quỹ được nắm giữ bởi các công ty con được ghi thẳng vào thặng dư vốn cổ phần	(27.560.285.797)	-
Chi phí thuế TNDN phải nộp	132.299.714.169	130.448.146.333
Điều chỉnh thuế TNDN (trích thừa) trích thiếu các năm trước	(13.623.549.581)	1.193.321.996
Chi phí thuế TNDN	118.676.164.588	131.641.468.329
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	79.116.759.336	24.878.617.399
Điều chỉnh thuế TNDN từ việc phát hành lại cổ phiếu quỹ được nắm giữ bởi các công ty con	27.560.285.797	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(181.490.308.355)	(77.403.326.392)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	43.862.901.366	79.116.759.336
<i>Trong đó:</i>		
Thuế TNDN phải nộp (Thuyết minh số 18)	60.627.851.285	79.116.759.336
Thuế TNDN nộp thừa (Thuyết minh số 8)	(16.764.949.919)	-

28.3 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận thuế TNDN hoãn lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Các khoản chi phí phải trả	25.203.852.708	31.835.959.199	(6.632.106.491)	(9.875.899.116)
Dự phòng trợ cấp thôi việc	9.089.061.831	10.036.783.622	(947.721.791)	2.823.216.382
Lợi nhuận chưa thực hiện	2.656.344.922	2.837.312.193	(180.967.271)	3.549.868.152
Dự phòng đầu tư ngắn hạn khác	1.760.000.000	-	1.760.000.000	-
Chi phí phân bổ vượt mức	916.432.000	-	916.432.000	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	778.982.791	432.579.421	346.403.370	400.085.414
Chi phí khấu hao	250.317.725	312.799.927	(62.482.202)	(94.556.493)
Dự phòng các khoản cho các bên liên quan vay	-	3.125.000.000	(3.125.000.000)	3.125.000.000
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư của công ty con	-	(45.388.088)	45.388.088	(45.388.088)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(7.979.377)	(739.120.706)	731.141.329	(739.120.706)
TỔNG CỘNG	40.647.012.600	47.795.925.568	(7.148.912.968)	(856.794.455)

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ với các bên có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Tập đoàn có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư/nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một tập đoàn.

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các công ty liên quan trong năm bao gồm:

Công ty liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị VNĐ
Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô	Công ty liên quan	Thu lại khoản cho vay	2.566.919.036.288
		Cho vay ngắn hạn	(2.410.000.000.000)
		Lãi cho vay	51.692.598.524
		Phí bản quyền	(12.707.643.598)
Công ty Cổ phần Thực phẩm Kinh Đô Sài Gòn	Công ty liên quan	Bán thành phẩm	43.318.136.309
		Bán nguyên vật liệu, bao bì, công cụ, dụng cụ	2.421.763.149
Công ty TNHH Tong Yuan	Công ty liên quan	Mua bao bì	(78.355.524.132)
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty liên quan	Lãi cho vay	5.429.375.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
<i>Hội đồng Quản trị</i>		
Thù lao và thưởng	7.016.950.000	5.649.382.185
<i>Ban Tổng Giám đốc</i>		
Lương và thưởng	25.407.190.000	16.230.000.000
<i>Ban Kiểm soát</i>		
Thù lao và thưởng	174.000.000	96.000.000
TỔNG CỘNG	32.598.140.000	21.975.382.185

Ngoài các khoản đầu tư được trình bày trong Thuyết minh số 13, vào ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Công ty liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu (phải trả) VNĐ
Phải thu khách hàng			
Công ty Cổ phần Thực phẩm Kinh Đô Sài Gòn	Công ty liên quan	Bán thành phẩm, nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ	26.452.049.604
Công ty Cổ phần Địa Ốc Kinh Đô	Công ty liên quan	Bán thành phẩm	23.171.121
Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô	Công ty liên quan	Bán thành phẩm	4.297.915
			26.479.518.640
Phải thu khác			
Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô (*)	Công ty liên quan	Lãi vay	371.071.397.753
		Chi trả hộ	25.219.543.505
Công ty Cổ phần Hùng Vương (*)	Công ty liên quan	Lãi vay	5.429.375.000
Công ty TNHH Tân An Phước	Công ty liên kết	Chi trả hộ	303.421.616
Công ty Cổ phần Thực phẩm Kinh Đô Sài Gòn	Công ty liên quan	Chi trả hộ	30.855.000
			402.054.592.874

(*) Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô và Công ty Cổ phần Hùng Vương đã hoàn trả cho Công ty tổng số tiền là 401.720.316.258 VNĐ.

Ngoài các khoản đầu tư được trình bày trong Thuyết minh số 13, vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Công ty liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu (phải trả) VNĐ
Trả trước cho người bán			
Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô	Công ty liên quan	Tạm ứng phí bản quyền	13.950.621.542
Phải trả người bán			
Công ty TNHH Tong Yuan	Công ty liên quan	Mua bao bì	(16.819.913.538)
Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô	Công ty liên quan	Thu hộ	(1.071.225.527)
Công ty Cổ phần Thực phẩm Kinh Đô Sài Gòn	Công ty liên quan	Mua thành phẩm	(619.006.502)
			(18.510.145.567)
Phải trả khác			
Công ty TNHH Tân An Phước	Công ty liên kết	Giữ hộ vốn góp	(100.000.000.000)
Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô	Công ty liên quan	Trả hộ	(563.130.800)
Công ty Cổ phần Thực phẩm Kinh Đô Sài Gòn	Công ty liên quan	Trả hộ	(51.498.000)
			(100.614.628.800)
Người mua trả tiền trước			
Công ty Cổ phần Thực phẩm Kinh Đô Sài Gòn	Công ty liên quan	Mua thành phẩm	(104.852.253)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

30. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang thuê đất, văn phòng và nhà xưởng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Đến 1 năm	54.810.143.295	11.531.870.595
Trên 1 - 5 năm	168.147.573.881	21.921.430.926
Trên 5 năm	170.712.526.759	817.920.000
TỔNG CỘNG	393.670.243.935	34.271.221.521

Cam kết góp vốn

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tập đoàn có cam kết với số tiền là 39.700.000.000 VNĐ liên quan đến nghĩa vụ góp vốn đầu tư vào một công ty liên kết.

31. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Trong phạm vi hoạt động kinh doanh của Tập đoàn, Tập đoàn có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Tập đoàn đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Tập đoàn để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như trình bày sau đây:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, ví dụ như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi và các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và 2012.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng: độ nhạy của bảng cân đối kế toán hợp nhất liên quan đến các công cụ nợ sẵn sàng để bán; và độ nhạy của các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Tập đoàn nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và 2012.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Tập đoàn. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Tập đoàn nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay và các khoản ký quỹ có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VNĐ
Năm nay		
Đô la Mỹ	+100	(2.439.546.151)
VNĐ	+300	48.965.734.669
Đô la Mỹ	-100	2.439.546.151
VNĐ	-300	(48.965.734.669)
Năm trước		
Đô la Mỹ	+100	(101.196.123)
VNĐ	+300	6.142.527.967
Đô la Mỹ	-100	101.196.123
VNĐ	-300	(6.142.527.967)

Mức tăng/giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Tập đoàn chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Tập đoàn không có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua bán hàng hóa chủ yếu bằng đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VNĐ. Tập đoàn không sử dụng công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

31. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Tập đoàn nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tập đoàn xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn không có rủi ro trọng yếu về giá cổ phiếu.

Rủi ro về giá hàng hóa

Tập đoàn có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn, các khoản cho vay trong nội bộ Tập đoàn, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Tập đoàn nhằm hạn chế rủi ro tín dụng đến mức thấp nhất có thể. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn nhận định rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi Ban Tổng Giám đốc theo các chính sách của Tập đoàn. Rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán hợp nhất tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính hợp nhất là giá trị ghi sổ của chúng. Ban Tổng Giám đốc nhận định mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

31. MỤC DỊCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Các công cụ tài chính khác

Các công cụ tài chính khác của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các khoản cho vay ngắn hạn đến các bên liên quan và Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt, ngoại trừ các khoản phải thu sau đây được coi là quá hạn nhưng chưa bị suy giảm vào ngày 31 tháng 12 năm 2013:

ĐVT: VNĐ						
	Tổng cộng	Không quá hạn và Không bị suy giảm	Quá hạn nhưng không bị suy giảm			
			< 90 ngày	91-180 ngày	181-210 ngày	> 210 ngày
31 tháng 12 năm 2013						
Tiền gửi ngân hàng	1,953,810,221,399	1,953,810,221,399	-	-	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	792,422,791,241	693,425,596,331	62,623,704,495	9,720,926,085	1,071,556,890	25,581,007,440
Các khoản cho các bên liên quan vay	35,700,000,000	35,700,000,000	-	-	-	-
31 tháng 12 năm 2012						
Tiền gửi ngân hàng	826,095,484,817	826,095,484,817	-	-	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	687,986,945,626	572,134,743,602	41,075,625,521	29,371,638,227	11,042,635,028	34,362,303,248
Các khoản cho các bên liên quan vay	217,619,036,288	192,619,036,288	-	-	-	25,000,000,000
Đầu tư ngắn hạn khác	8,000,000,000	-	-	-	-	8,000,000,000

31. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1-5 năm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
31 tháng 12 năm 2013			
Các khoản vay và nợ	400.939.212.302	168.885.769.700	569.824.982.002
Phải trả người bán	283.772.381.108	-	283.772.381.108
Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	206.481.216.981	11.873.420.941	218.354.637.922
	891.192.810.391	180.759.190.641	1.071.952.001.032
31 tháng 12 năm 2012			
Các khoản vay và nợ	529.559.033.303	52.633.096.500	582.192.129.803
Phải trả người bán	274.618.256.546	-	274.618.256.546
Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	181.982.847.190	15.766.479.023	197.749.326.213
	986.160.137.039	68.399.575.523	1.054.559.712.562

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

32. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn:

Các tài sản tài chính	ĐVT: VNĐ			
	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng	
Các khoản đầu tư vào cổ phiếu				
Cổ phiếu niêm yết	1.278.276.394	(596.553.044)	32.741.487.000	(11.412.567.907)
Cổ phiếu chưa niêm yết	3.500.000.000	(500.000.000)	15.996.392.600	(13.059.363.856)
Chứng chỉ quỹ	15.000.000.000	-	15.000.000.000	15.000.000.000
Tài phiếu doanh nghiệp	98.000.000	-	98.000.000	-
Các khoản ký cược, ký quỹ	13.240.682.284	-	880.399.390	-
Cho các bên liên quan vay	35.700.000.000	-	217.619.036.288	(12.500.000.000)
Đầu tư ngắn hạn khác	8.000.000.000	(8.000.000.000)	8.000.000.000	-
Phải thu khách hàng	188.931.745.641	(3.287.129.493)	180.529.903.420	(1.631.142.631)
Các khoản phải thu khác	603.491.045.600	-	507.157.423.689	-
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.958.064.548.124	-	829.459.259.294	-
TỔNG CỘNG	2.827.304.298.043	(12.383.682.537)	1.807.481.901.681	(38.603.074.394)
			2.814.920.615.506	1.768.878.827.287

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

32. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	ĐVT: VNĐ			
	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay và nợ	569.824.982.002	582.192.129.803	569.824.982.002	582.192.129.803
Phải trả người bán	283.772.381.108	274.618.256.546	283.772.381.108	274.618.256.546
Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	218.354.637.922	197.749.326.213	218.354.637.922	197.749.326.213
TỔNG CỘNG	1.071.952.001.032	1.054.559.712.562	1.071.952.001.032	1.054.559.712.562

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- » Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- » Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được Tập đoàn đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong quốc gia, khả năng trả nợ vay của từng khách hàng và tính chất rủi ro của dự án được tài trợ. Trên cơ sở đánh giá này, Tập đoàn ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu và cho vay này.
- » Giá trị hợp lý của các trái phiếu, cổ phiếu niêm yết được xác định dựa trên giá công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- » Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được xác định dựa trên giá công bố, nếu có, trên các thị trường có giao dịch.

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Tập đoàn là chế biến nông sản, thực phẩm, nước tinh khiết và các sản phẩm từ sữa. Tập đoàn xem các hoạt động này là một bộ phận kinh doanh. Tuy nhiên, Tập đoàn quản lý hoạt động kinh doanh theo khu vực địa lý dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Tập đoàn.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn bao gồm miền Nam và miền Bắc Việt Nam. Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau:

			ĐVT: VNĐ
	Khu vực miền Nam	Khu vực miền Bắc	Tổng cộng
Năm nay			
Doanh thu bộ phận			
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	3.129.441.180.449	1.545.355.235.461	4.674.796.415.910
Các khoản giảm trừ doanh thu	(88.181.185.216)	(26.016.945.356)	(114.198.130.572)
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	304.367.007.200	60.331.807.297	364.698.814.497
	3.345.627.002.433	1.579.670.097.402	4.925.297.099.835
<i>Đối chiếu:</i>			
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận			(364.698.814.497)
Doanh thu trong năm			4.560.598.285.338
Lợi nhuận bộ phận	382.405.095.828	215.966.276.329	598.371.372.157
<i>Đối chiếu:</i>			
Lãi tiền gửi			108.281.743.978
Chi phí lãi vay			(43.391.810.398)
Khấu trừ lợi thế thương mại			(44.643.343.543)
Lợi nhuận kế toán trước thuế			618.617.962.194
Tài sản bộ phận	5.329.538.962.849	960.366.669.489	6.289.905.632.338
<i>Đối chiếu:</i>			
Phải thu bộ phận			(237.982.219.361)
Tài sản không phân bổ			326.322.166.021
Tổng tài sản			6.378.245.578.998
Nợ phải trả bộ phận	1.273.148.393.589	459.864.203.500	1.733.012.597.089
<i>Đối chiếu:</i>			
Phải trả bộ phận			(237.982.219.361)
Tổng nợ phải trả			1.495.030.377.728
Các thông tin bộ phận khác			
Khấu hao và khấu trừ	168.430.076.741	61.622.899.219	230.052.975.960
Dự phòng phải thu khó đòi	1.758.295.537	(102.308.675)	1.655.986.862
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	8.473.486.616	(1.896.852.976)	6.576.633.640
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(15.316.014.863)	(300.000.000)	(15.616.014.863)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau: (tiếp theo)

			VNĐ
	Khu vực miền Nam	Khu vực miền Bắc	Tổng cộng
Năm trước			
Doanh thu bộ phận			
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	3.026.404.677.984	1.285.509.548.297	4.311.914.226.281
Các khoản giảm trừ doanh thu	(22.096.413.959)	(4.020.368.911)	(26.116.782.870)
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	198.304.298.996	15.915.689.606	214.219.988.602
	3.202.612.563.021	1.297.404.868.992	4.500.017.432.013
<i>Đối chiếu:</i>			
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận			(214.219.988.602)
Doanh thu trong năm			4.285.797.443.411
Lợi nhuận bộ phận	392.840.886.046	184.987.499.176	577.828.385.222
<i>Đối chiếu:</i>			
Lãi tiền gửi			122.931.646.545
Chi phí lãi vay			(94.369.615.032)
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư			(43.591.115.630)
Khấu trừ lợi thế thương mại			(72.871.346.920)
Lợi nhuận kế toán trước thuế			489.927.954.185
Tài sản bộ phận	4.609.428.459.472	743.082.810.024	5.352.511.269.496
<i>Đối chiếu:</i>			
Phải thu bộ phận			(187.727.758.791)
Tài sản không phân bổ			349.920.951.305
Tổng tài sản			5.514.704.462.010
Nợ phải trả bộ phận	1.258.501.133.350	398.557.256.384	1.657.058.389.734
<i>Đối chiếu:</i>			
Phải trả bộ phận			(187.727.758.791)
Tổng nợ phải trả			1.469.330.630.943
Các thông tin bộ phận khác			
Khấu hao và khấu trừ	156.970.415.897	58.178.141.582	215.148.557.479
Dự phòng phải thu khó đòi	(830.455.937)	-	(830.455.937)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.991.163.344	(274.601.125)	5.716.562.219
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	6.127.874.988	-	6.127.874.988

34. PHÂN LOẠI LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một vài khoản mục trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.

35. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất này.



Trần Minh Nguyệt

Người lập

Ngày 26 tháng 3 năm 2014



Nguyễn Thị Oanh

Kế toán trưởng



Trần Lệ Nguyên

Tổng Giám đốc



TẬP ĐOÀN KINH ĐÔ

Địa chỉ: 138 - 142 Hai Bà Trưng,
Phường ĐaKao, Quận 1, TP.HCM

Tel: (08-8) 3827 0838

Fax: (08-8) 3827 0839

Email: info@kinhdo.vn

www.kinhdo.vn